

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	4
CHƯƠNG I: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT	6
1.1 Khái niệm, đặc điểm, vai trò của nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất	6
1.1.1 Khái niệm nguyên vật liệu	6
1.1.2 Đặc điểm của nguyên vật liệu	6
1.1.3 Vai trò , vị trí của nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất.	7
1.2 Phân loại và đánh giá nguyên vật liệu.....	7
1.2.1 Phân loại nguyên vật liệu	7
1.2.1.1 Phân loại theo nội dung kinh tế.....	8
1.2.1.2 Phân loại theo nguồn nhập	8
1.2.1.3 Phân loại theo mục đích công dụng	9
1.2.2 Đánh giá nguyên vật liệu.....	9
1.2.2.1 Nguyên tắc đánh giá nguyên vật liệu	9
1.2.2.2 Cách xác định giá thực tế nguyên vật liệu nhập kho	9
1.2.2.3. Cách xác định giá thực tế vật liệu xuất kho.	11
1.3 Tổ chức kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp	14
1.3.1 Yêu cầu quản lý và hạch toán nguyên vật liệu.....	14
1.3.1.1 Yêu cầu quản lý.....	14
1.3.1.2 Nhiệm vụ của kế toán.....	14
1.3.2 Chứng từ sử dụng	15
1.3.3 Phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.....	16
1.3.3.1 Phương pháp thẻ song song.....	16
1.3.3.2 Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.....	18
1.3.3.3 Phương pháp sổ số dư.....	20
1.3.4 Kế toán tổng hợp tình hình biến động nguyên vật liệu trong doanh nghiệp	22
1.3.4.1 Kế toán tình hình biến động nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên.....	22

1.3.4.2 Kế toán tình hình biến động nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ.....	25
1.3.5 Hệ thống sổ sách kế toán nguyên vật liệu.....	28
1.3.5.1 Hình thức sổ nhật ký chung.....	28
1.3.5.2 Hình thức sổ Nhật ký – sổ cái.....	29
1.3.5.3 Hình thức sổ chứng từ ghi sổ.....	31
1.3.5.4 Hình thức sổ kế toán nhật ký chứng từ.....	33
1.3.5.5 hình thức kế toán trên máy vi tính.....	35
1.3.6 Vấn đề kiểm kê nguyên vật liệu.....	37
1.3.6.1 Khái niệm.....	37
1.3.6.2 Phương pháp hạch toán khi kiểm kê.....	37
1.3.6.3 Xử lý kết quả kiểm kê và đánh giá lại nguyên vật liệu.....	39
1.3.7 Hệ thống báo cáo kế toán nguyên vật liệu.....	41
1.3.7.1 Báo cáo tài chính.....	41
1.3.7.2 Báo cáo quản trị.....	42
CHƯƠNG II: THỰC TẾ CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT XÔ.....	43
2.1 Khái quát hoạt động SXKD của công ty cổ phần Việt Xô.....	43
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty cổ phần Việt Xô.....	43
2.1.2. Đặc điểm tổ chức kinh doanh và quản lý công ty Cổ phần Việt Xô.....	44
2.1.3. Quy trình sản xuất sản phẩm chính của công ty cổ phần Việt Xô.....	47
2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và công tác kế toán tại công ty cổ phần Việt Xô.....	49
2.1.4.1. Đặc điểm bộ máy kế toán.....	49
2.1.4.2. Hình thức kế toán áp dụng tại công ty Cổ phần Việt Xô.....	50
2.2. Tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Việt Xô.....	52
2.2.1 Đặc điểm phân loại và NVL và công tác quản lý NVL tại công ty cổ phần Việt Xô.....	52
2.2.1.1 Đặc điểm:.....	52
2.2.1.2 Phân loại nguyên vật liệu.....	53
2.2.1.3 Công tác quản lý nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Việt Xô.....	53

2.2.2 Quy trình hạch toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Việt Xô.....	53
2.2.3 Tính giá nguyên vật liệu.....	55
2.2.3.1 Tính giá thực tế nguyên vật liệu nhập kho.....	55
2.2.3.2 Tính giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho.....	57
2.2.4. Chứng từ kế toán sử dụng trong công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Việt Xô.....	57
2.2.5 Thủ tục nhập kho và xuất kho trong công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Việt Xô.....	58
2.2.5.1 Thủ tục nhập kho nguyên vật liệu.....	58
2.2.5.2 Thủ tục xuất kho nguyên vật liệu.....	58
2.2.6 Tổ chức kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Việt Xô.....	59
2.2.7 Kế toán tổng hợp ở công ty cổ phần Việt Xô.....	64
CHƯƠNG III: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT XÔ.....	70
3.1 Đánh giá chung công tác hạch toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Việt Xô... 70	70
3.1.1 Nhận xét chung.....	70
3.1.2 Những thành tựu đạt được.....	70
3.1.2.1 Ưu điểm.....	71
3.1.2.2 Hạn chế.....	73
3.2 Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác hạch toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Việt Xô.....	77
3.2.1 Nguyên tắc hoàn thiện.....	77
3.2.2 Yêu cầu hoàn thiện.....	77
3.2.3 Nội dung hoàn thiện.....	78
KẾT LUẬN.....	86
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	87

LỜI MỞ ĐẦU

Kinh tế thị trường luôn gắn liền với cạnh tranh, muốn tồn tại và phát triển đòi hỏi các doanh nghiệp phải biết cách chiến thắng các đối thủ cạnh tranh của mình. Để đạt được mục tiêu ấy, mỗi doanh nghiệp có các hướng đi khác nhau, những giải pháp khác nhau và sử dụng công cụ khác nhau. Thực tế cho thấy, để tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường, ngoài việc nâng cao chất lượng, đa dạng hóa mẫu mã sản phẩm, phương thức phục vụ khách hàng..., thì điều đặc biệt quan trọng là phải tìm cách tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh nhằm hạ giá thành sản phẩm tạo lợi thế cạnh tranh về giá bán. Để đạt mục đích này, các nhà quản trị doanh nghiệp đặc biệt coi trọng việc sử dụng công cụ kế toán, nhất là kế toán nguyên vật liệu.

Trong các doanh nghiệp sản xuất, vật liệu là một trong ba yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất và là cơ sở để hình thành sản phẩm mới. Do đó muốn tối đa hóa lợi nhuận bên cạnh việc sử dụng đúng loại nguyên vật liệu, đảm bảo chất lượng, doanh nghiệp phải biết sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguyên vật liệu. Hơn nữa, vật liệu còn là một bộ phận quan trọng của hàng tồn kho, do đó việc hạch toán và quản lý nguyên vật liệu đúng, đủ và kịp thời cho sản xuất, đồng thời kiểm tra, giám sát được việc chấp hành các định mức tiêu hao nguyên vật liệu dự trữ, ngăn chặn việc sử dụng lãng phí vật liệu. Như vậy có thể nói việc quản lý nguyên vật liệu là cần thiết từ đó đòi hỏi công tác tổ chức kế toán nguyên vật liệu phải được thực hiện tốt góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, hạ thấp chi phí trong giá thành.

Xuất phát từ những lý do trên, đồng thời qua thời gian thực tập tại công ty cổ phần Việt Xô em đã đi sâu tìm hiểu thực tế và nhận thấy tầm quan trọng của nguyên vật liệu và công tác kế toán nguyên vật liệu của công ty, với những kiến thức thu nhận được trong quá trình học tập tại nhà trường, sự giúp đỡ nhiệt tình của cô chú, anh chị trong phòng Tài chính – Kế toán, đặc biệt với sự giúp đỡ tận tình của cô giáo Trần Thị Thanh Thảo em đã đi sâu tìm hiểu nghiên cứu đề tài : “ Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Việt Xô”.

Về mặt kết cấu, ngoài phần mở đầu và kết luận, phần nội dung của luận văn được chia thành 3 chương:

Chương I : Lý luận chung về công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất

Chương II : Thực tế công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Việt Xô.

Chương III : Phương hướng và giải pháp hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Việt Xô.

Do trình độ và thời gian thực tập có hạn, công tác quản lý hạch toán nguyên vật liệu rất phức tạp nên bản luận văn mới chỉ đi vào tìm hiểu một số vấn đề chủ yếu và chắc chắn còn nhiều thiếu sót, vì vậy em kính mong nhận được sự đóng góp ý kiến của thầy cô giáo để bài luận văn của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG I

LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

1.1 Khái niệm, đặc điểm, vai trò của nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất

1.1.1 Khái niệm nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu là đối tượng lao động, là một trong những yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất kinh doanh, tham gia trực tiếp và thường xuyên vào quá trình sản xuất sản phẩm và ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng sản phẩm đầu ra.

Nguyên vật liệu tham gia vào một chu kỳ sản xuất nhất định, và khi tham gia vào quá trình sản xuất, dưới tác động của sức lao động và máy móc thiết bị, chúng bị tiêu hao hoàn toàn hoặc bị thay đổi hình thái ban đầu để tạo ra hình thái vật chất của sản phẩm. Do vậy nguyên vật liệu được coi là yếu tố hàng đầu không thể thiếu của bất kỳ quá trình hình thành sản phẩm mới trong doanh nghiệp sản xuất.

Theo chuẩn mực kế toán số 02 thì hàng tồn kho là những tài sản:

- Được giữ để bán trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường
- Đang trong quá trình sản xuất kinh doanh dở dang
- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ để sử dụng trong quá trình sản xuất kinh doanh hoặc cung cấp dịch vụ.

➔ Nguyên vật liệu là một bộ phận của hàng tồn kho, là một trong những yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất kinh doanh, tham gia thường xuyên và trực tiếp vào quá trình sản xuất sản phẩm, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng của sản xuất sản phẩm.

1.1.2 Đặc điểm của nguyên vật liệu

- Tham gia vào một chu kỳ sản xuất chế tạo sản phẩm và cung cấp dịch vụ
- Khi tham gia vào quá trình sản xuất nguyên vật liệu thay đổi hoàn toàn hình thái vật chất ban đầu và giá trị được chuyển toàn bộ, một lần vào chi phí sản xuất kinh doanh.

Thông thường trong cấu tạo giá thành sản phẩm thì chi phí về nguyên liệu chiếm tỷ trọng khá lớn, nên việc sử dụng tiết kiệm, đúng mục đích, và đúng kế hoạch nguyên vật liệu có ý nghĩa quan trọng trong việc hạ thấp giá thành sản phẩm và thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh.

1.1.3 Vai trò , vị trí của nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất.

Trong doanh nghiệp sản xuất, nguyên vật liệu là một bộ phận của hàng tồn kho thuộc tài sản lưu động của doanh nghiệp , đồng thời là yếu tố không thể thiếu trong quá trình sản xuất sản phẩm.

Nguyên vật liệu có đặc điểm là bị hao mòn toàn bộ và chuyển một lần giá trị vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ, do vậy việc cung cấp nguyên vật liệu đầy đủ, kịp thời cả về số lượng, chất lượng thì việc sản xuất mới trôi chảy, không bị gián đoạn, sản phẩm sản xuất ra mới được hoàn thành đúng tiến độ kế hoạch và đảm bảo chất lượng tốt nhất.

Vấn đề được các doanh nghiệp sản xuất quan tâm hàng đầu đó là nâng cao chất lượng sản phẩm và hạ giá thành sản xuất. Chi phí nguyên vật liệu có ảnh hưởng không nhỏ tới sự biến động của giá thành. Một biến động nhỏ về chi phí nguyên vật liệu cũng kéo theo biến động về giá thành của sản phẩm, ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

1.2 Phân loại và đánh giá nguyên vật liệu

1.2.1 Phân loại nguyên vật liệu

Phân loại vật liệu là việc nghiên cứu, sắp xếp các vật liệu theo công dụng, nội dung, chủng loại, tính chất, thương phẩm của chúng nhằm phục vụ cho yêu cầu quản lý doanh nghiệp một cách chặt chẽ và chi tiết.

Tùy thuộc vào các loại hình doanh nghiệp sản xuất cụ thể thuộc từng ngành sản xuất, tùy thuộc vào nội dung kinh tế, chức năng của vật liệu mà có nhiều cách phân loại khác nhau.

1.2.1.1 Phân loại theo nội dung kinh tế

Theo nội dung kinh tế, nguyên vật liệu được chia thành các loại như sau:

- Nguyên vật liệu chính: Là những loại nguyên vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất thì cấu thành thực thể vật chất, thực thể chính của sản phẩm. Ví dụ : sắt thép trong các doanh nghiệp chế tạo máy, xây dựng cơ bản... vải trong doanh nghiệp may mặc, bông trong các doanh nghiệp sản xuất sợi vải. Nguyên vật liệu chính còn bao gồm nửa thành sản phẩm mua ngoài để tiếp tục sản xuất chế tạo sản phẩm, Ví dụ xi măng trong các doanh nghiệp xây dựng.
- Vật liệu phụ : Là những loại vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất không cấu thành thực thể chính của sản phẩm mà có thể kết hợp với vật liệu chính để hoàn thiện và nâng cao tính năng, chất lượng của sản phẩm, để phục vụ cho quá trình lao động, hoặc được sử dụng cho yêu cầu kỹ thuật, công nghệ...
- Nhiên liệu: Là loại có tác dụng cung cấp nhiệt lượng trong quá trình sản xuất, kinh doanh tạo điều kiện cho quá trình chế tạo sản phẩm diễn ra bình thường. Nhiên liệu có thể tồn tại ở thể lỏng, thể rắn và thể khí.
- Phụ tùng thay thế: Là những vật liệu dùng để thay thế, sửa chữa máy móc , thiết bị, phương tiện vận tải , công cụ dụng cụ sản xuất...
- Vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản: Là những loại vật liệu , thiết bị sử dụng cho công việc xây dựng cơ bản, tái tạo tài sản cố định...
- Vật liệu khác: Là các loại vật liệu đặc trưng của từng doanh nghiệp hoặc phế liệu thu hồi.

1.2.1.2 Phân loại theo nguồn nhập

Căn cứ vào nguồn nhập, nguyên vật liệu được chia thành:

- Nguyên vật liệu nhận góp vốn liên doanh
- Nguyên vật liệu mua ngoài: Từ thị trường trong nước hoặc nhập khẩu
- Nguyên vật liệu tự gia công sản xuất

1.2.1.3 Phân loại theo mục đích công dụng

Căn cứ vào mục đích, công dụng, nguyên vật liệu được chia thành:

- Nguyên vật liệu dùng để trực tiếp cho sản xuất, chế tạo sản phẩm
- Nguyên vật liệu dùng cho các nhu cầu khác : Phục vụ quản lý ở các phân xưởng, tổ, đội sản xuất, cho quản lý doanh nghiệp, bán hàng.

1.2.2 Đánh giá nguyên vật liệu

Đánh giá nguyên vật liệu là thước đo biểu hiện giá trị của chúng theo những nguyên tắc nhất định đảm bảo yêu cầu chân thực, thống nhất.

1..2.2.1 Nguyên tắc đánh giá nguyên vật liệu

- Nguyên tắc giá phí (giá vốn): Đây là nguyên tắc cơ bản nhất của kế toán. Nguyên tắc này đòi hỏi tất cả các nguyên vật liệu phải được ghi chép, phản ánh theo giá vốn, tức số tiền mà doanh nghiệp bỏ ra để có được số nguyên vật liệu đó.
- Nguyên tắc thận trọng: Đây là nguyên tắc đề cập đến việc lựa chọn các phương pháp sao cho ít ảnh hưởng đến vốn chủ sở hữu. Với những nguyên vật liệu có xu hướng giảm giá, mất giá, hoặc không bán được cần phải dự tính phần thiệt hại để thực hiện việc thiết lập dự phòng vào chi phí, hoặc cố gắng tính hết các khoản chi phí có thể tính được cho số nguyên vật liệu chưa đem ra sử dụng có thể chịu phần chi phí ít nhất.
- Nguyên tắc nhất quán: Nguyên tắc này đòi hỏi kế toán phải quản lý giúp cho doanh nghiệp biết chính xác số lượng và giá trị tồn kho của doanh nghiệp tại các thời điểm nhằm xây dựng các kế hoạch sản xuất phù hợp tránh sự biến động của giá vốn và lượng nguyên vật liệu tồn kho đột xuất.

1.2.2.2 Cách xác định giá thực tế nguyên vật liệu nhập kho

- Đối với nguyên vật liệu mua ngoài: Giá thực tế nhập kho là trị giá vốn thực tế nhập kho.

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế nguyên} \\ \text{Vật liệu nhập kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá mua vật liệu} \\ \text{(theo hóa đơn)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{thu mua} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Thuế NK} \\ \text{(nếu có)} \end{array}$$

- Chi phí thu mua thực tế gồm: Chi phí vận chuyển, bốc dỡ, bảo quản, chi phí thuê kho, thuê bãi, tiền phạt, tiền bồi thường....
- Đối với các đơn vị tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì giá mua thực tế là giá không có thuế GTGT đầu vào.
- Đối với các đơn vị tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp và là cơ sở kinh doanh không thuộc đối tượng chịu thuế thì giá mua thực tế là giá mua đã có thuế GTGT
- Đối với nguyên vật liệu mua vào sử dụng đồng thời cho cả hai hoạt động chịu thuế GTGT thì về nguyên tắc phải hạch toán riêng và chỉ được khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với phần nguyên vật liệu chịu thuế GTGT đầu ra.
- Đối với nguyên vật liệu do doanh nghiệp tự gia công chế biến: giá thực tế của nguyên vật liệu là giá của vật liệu xuất gia công, chế biến cộng với các chi phí gia công chế biến. Chi phí chế biến gồm: chi phí nhân công, chi phí khấu hao máy móc thiết bị và các khoản chi phí khác.
- Đối với vật liệu thuê ngoài gia công chế biến:

$$\text{Giá vốn thực tế của nguyên vật liệu} = \text{Giá trị nguyên vật liệu xuất gia công} + \text{Chi phí thuê ngoài gia công}$$

- Chi phí thuê ngoài gia công bao gồm: Tiền thuê gia công phải trả, chi phí vận chuyển đến cơ sở gia công và ngược lại.
- Đối với vật liệu nhận góp vốn liên doanh cổ phần: giá thực tế là giá trị vật liệu được các bên tham gia góp vốn thừa nhận.
- Đối với vật liệu do Nhà nước cấp hoặc được tặng: trị giá thực tế được tính là giá trị của vật liệu đó ghi trên biên bản bàn giao hoặc ghi theo giá trị vật liệu tặng thưởng tương đương với giá thị trường.
- Đối với phế liệu thu hồi: được đánh giá theo giá ước tính hoặc giá thực tế (có thể bán được).
- Nguyên vật liệu dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất sản phẩm không được đánh giá thấp hơn giá gốc nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm. Khi có sự giảm

giá của nguyên vật liệu mà giá thành sản xuất sản phẩm cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì nguyên vật liệu được đánh giá giảm xuống bằng với giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

1.2.2.3. Cách xác định giá thực tế vật liệu xuất kho.

Nguyên vật liệu trong doanh nghiệp được thu mua nhập kho thường xuyên từ nhiều nguồn gốc khác nhau. Do vậy, giá thực tế của từng lần, từng đợt nhập kho cũng không hoàn toàn giống nhau. Vì thế khi xuất kho kế toán phải tính toán, xác định được giá thực tế xuất kho cho các đối tượng sử dụng theo phương pháp tính giá thực tế xuất kho đã đăng ký áp dụng trong cả niên độ kế toán.

Để tính trị giá thực tế của nguyên vật liệu xuất kho các doanh nghiệp có thể áp dụng một trong các phương pháp sau:

• Phương pháp tính theo giá đích danh:

- Phương pháp này được áp dụng đối với các loại vật liệu có giá trị cao và các loại vật tư đặc trưng. Phương pháp này sử dụng trong các doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định có thể nhận diện được. Giá thực tế của vật liệu xuất kho được căn cứ vào đơn giá thực tế vật liệu nhập kho theo từng lô, từng lần nhập và số lượng xuất kho theo từng lần.
- **Ưu nhược điểm:** Tạo thuận lợi trong việc tính toán giá thành vật liệu được chính xác, phản ánh được mối quan hệ cân đối giữa hiện vật và giá trị. Tuy nhiên phải theo dõi chi tiết giá vật liệu nhập kho theo từng lần nhập và giá vật liệu xuất kho sẽ không sát với giá thực tế của thị trường tại thời điểm đó.

• Phương pháp tính giá bình quân gia quyền:

- Theo phương pháp bình quân gia quyền, căn cứ vào giá thực tế vật liệu tồn đầu kỳ và nhập trong kỳ, kế toán xác định giá bình quân của một đơn vị vật liệu. Căn cứ vào lượng vật liệu xuất trong kỳ và giá đơn vị bình quân để xác định được giá thực tế của vật liệu xuất trong kỳ.
- Theo phương pháp này giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể

được tính theo thời kỳ hoặc mỗi khi nhập hàng về, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp.

$$\text{Giá thực tế hàng xuất kho} = \text{Số lượng thực tế hàng xuất} \times \text{Đơn giá thực tế bình quân}$$

Đơn giá thực tế bình quân được tính theo hai cách:

- **Cách 1:** Giá đơn vị bình quân gia quyền cả kỳ.

$$\text{Đơn giá thực tế bình quân} = \frac{\text{Trị giá thực tế tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng nhập trong kỳ}}$$

Ưu nhược điểm: Tính theo cách này sẽ cho kết quả chính xác nhưng đòi hỏi doanh nghiệp phải hạch toán được chặt chẽ về mặt số lượng của từng loại vật liệu, công việc tính toán phức tạp đòi hỏi trình độ cao

Phạm vi áp dụng: Áp dụng trong những doanh nghiệp có ít danh điểm nguyên vật liệu

- **Cách 2:** Giá đơn vị bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập (Bình quân gia quyền liên hoàn)

Theo cách này , sau mỗi lần nhập kế toán phải xác định giá bình quân của từng danh điểm nguyên vật liệu. Căn cứ vào giá đơn vị bình quân và lượng nguyên vật liệu xuất kho giữa hai lần nhập, kế toán xác định giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho.

$$\text{Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Giá thực tế NVL tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Lượng thực tế NVL tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

Ưu nhược điểm: Cách này cho phép kế toán tính giá nguyên vật liệu xuất kho kịp thời nhưng khối lượng công việc tính toán nhiều do phải tiến hành tính giá cho từng danh điểm hàng hóa.

Phạm vi áp dụng: Áp dụng cho những doanh nghiệp có ít loại nguyên vật liệu và số lần nhập – xuất không nhiều.

- **Phương pháp nhập trước – xuất trước**

- Theo phương pháp này vật liệu nhập trước được xuất dùng hết mới xuất dùng đến lần nhập sau. Do đó, giá vật liệu xuất dùng được tính hết theo giá nhập kho lần trước, xong mới tính theo giá nhập kho lần sau. Như vậy, giá thực tế vật liệu tồn kho cuối kỳ chính là giá thực tế vật liệu nhập kho thuộc các lần mua vào sau cùng.
- **Ưu nhược điểm:** Phương pháp này thích hợp trong trường hợp giá cả thị trường ổn định. Nếu giá cả có xu hướng tăng lên thì giá trị hàng tồn kho cuối kỳ sẽ cao và giá trị vật liệu xuất dùng sẽ nhỏ đi nên giá thành sản phẩm giảm, lợi nhuận tăng trong kỳ. trường hợp ngược lại, giá cả có xu hướng giảm thì chi phí vật liệu trong kỳ sẽ lớn. do đó, lợi nhuận trong kỳ sẽ giảm và giá trị vật liệu tồn kho cuối kỳ sẽ lớn.

- **Phương pháp nhập sau xuất trước**

- Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.
- **Ưu nhược điểm:** Phương pháp này giúp cho việc hạch toán giá thành sản phẩm phản ứng kịp thời với giá cả nguyên vật liệu trên thị trường. Tuy nhiên việc hạch toán nguyên vật liệu theo từng loại giá tồn rất nhiều công sức.
- **Phạm vi áp dụng:** Được áp dụng trong những doanh nghiệp có ít loại nguyên vật liệu.

Tuy có nhiều phương pháp tính giá nguyên vật liệu nhưng mỗi doanh nghiệp chỉ được áp dụng một trong những phương pháp đó. Vì mỗi phương pháp đều có những ưu điểm và nhược điểm riêng nên áp dụng phương pháp nào cho phù hợp với đặc điểm, quy mô là vấn đề đặt ra cho mỗi doanh nghiệp.

1.3 Tổ chức kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

1.3.1 Yêu cầu quản lý và hạch toán nguyên vật liệu

Trong điều kiện nền kinh tế đang phát triển ngày một đa dạng, các loại hình doanh nghiệp cạnh tranh ngày càng gay gắt, các doanh nghiệp sản xuất muốn tồn tại và phát triển đòi hỏi phải làm ăn có hiệu quả. Một trong những giải pháp tối ưu cho vấn đề này là doanh nghiệp phải chú ý tới công tác quản lý nguyên vật liệu sao cho đạt hiệu quả tốt nhất nhằm mục đích hao phí vật tư ít nhất, mang lại hiệu quả kinh tế cao nhất.

1.3.1.1 Yêu cầu quản lý.

Xuất phát từ vai trò, đặc điểm của nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất kinh doanh đòi hỏi phải quản lý chặt chẽ ở tất cả các khâu.

- Khâu thu mua: Phải quản lý về số lượng, chất lượng, quy cách, chủng loại, giá mua, chi phí thu mua. Đảm bảo thực hiện thu mua theo kế hoạch, đúng tiến độ, thời gian phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh.
- Khâu bảo quản: phải tổ chức tốt kho hàng, bến bãi thực hiện đúng chế độ bảo quản đối với từng loại vật liệu, tránh hư hỏng, mất mát.
- Khâu sử dụng: Phải sử dụng hợp lý, tiết kiệm trên cơ sở các định mức, dự toán chi phí, phấn đấu hạ mức tiêu hao vật tư trong sản xuất tiến tới hạ thấp giá thành sản xuất, kinh doanh có lãi.
- Khâu dự trữ: Đảm bảo kết cấu dự trữ hợp lý, phải xác định được mức dự trữ tối đa, tối thiểu cho từng loại vật tư đảm bảo quá trình sản xuất tiến hành được bình thường liên tục, đồng thời tránh ứ đọng vốn do dự trữ quá lớn.
- Khâu giám sát: Giám sát, kiểm tra việc bảo quản và sử dụng nguyên vật liệu, kiểm tra việc tuân thủ các quy định mức tiêu hao trong việc sử dụng vật liệu vào sản xuất.

1.3.1.2 Nhiệm vụ của kế toán

- Tổ chức ghi chép, phản ánh đầy đủ kịp thời số hiện có và tình hình luân chuyển của nguyên vật liệu nhập, xuất, tồn kho, trị giá vốn của từng loại

nhằm cung cấp thông tin kịp thời chính xác phục vụ yêu cầu lập báo cáo tài chính và quản lý doanh nghiệp

- Tính giá vật liệu theo chế độ quy định và phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp.
- Kiểm tra tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch về mua vật tư, hàng hóa, sử dụng vật tư cho sản xuất và kế hoạch bán hàng
- Thường xuyên phân tích tình hình cung cấp, dự trữ, sử dụng vật liệu, đối chiếu với các mức dự trữ để kịp thời xuất, nhập vật liệu thiếu hoặc thừa so với định mức xuất. Từ đó đề xuất với doanh nghiệp điều chỉnh kịp thời kế hoạch cung cấp đảm bảo quá trình sản xuất diễn ra đều đặn và liên tục.

1.3.2 Chứng từ sử dụng

Theo chế độ chứng từ kế toán quy định ban hành theo quyết định 15/2006 – QĐ/BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, các chứng từ kế toán về nguyên vật liệu gồm:

- Phiếu nhập kho (Mẫu 01 – VT)
- Phiếu xuất kho (Mẫu 02 – VT)
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư, hàng hóa, sản phẩm (Mẫu số 03 – VT)
- Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ (Mẫu số 04 – VT)
- Biên bản kiểm kê vật tư , sản phẩm, hàng hóa (Mẫu số 05 – VT)
- Bảng kê mua hàng (Mẫu số 06 – VT)
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu (Mẫu số 07 – VT)
- Hóa đơn giá trị gia tăng (Mẫu 01GTKL – 3LL)
- Hóa đơn bán hàng thông thường (Mẫu 02GTGT – 3LL)

Ngoài các chứng từ bắt buộc sử dụng thống nhất theo quy định của Nhà nước, trong các doanh nghiệp có thể sử dụng các chứng từ kế toán hướng dẫn và các chứng từ khác tùy thuộc tình hình đặc điểm của từng doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực hoạt động, thành phần kinh tế, hình thức sở hữu khác nhau.

Đối với các chứng từ kế toán thống nhất, bắt buộc phải được lập kịp thời, đầy đủ theo đúng quy định về mẫu, nội dung và phương pháp.

1.3.3 Phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

Hạch toán chi tiết vật liệu là việc theo dõi, ghi chép thường xuyên liên tục sự biến động xuất, nhập tồn kho của từng loại vật liệu sử dụng trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp về số lượng (hiện vật) và giá trị.

Trong thực tế công tác kế toán hiện nay ở nước ta nói chung và ở các doanh nghiệp công nghiệp nói riêng đang áp dụng một trong ba phương pháp hạch toán chi tiết vật liệu sau:

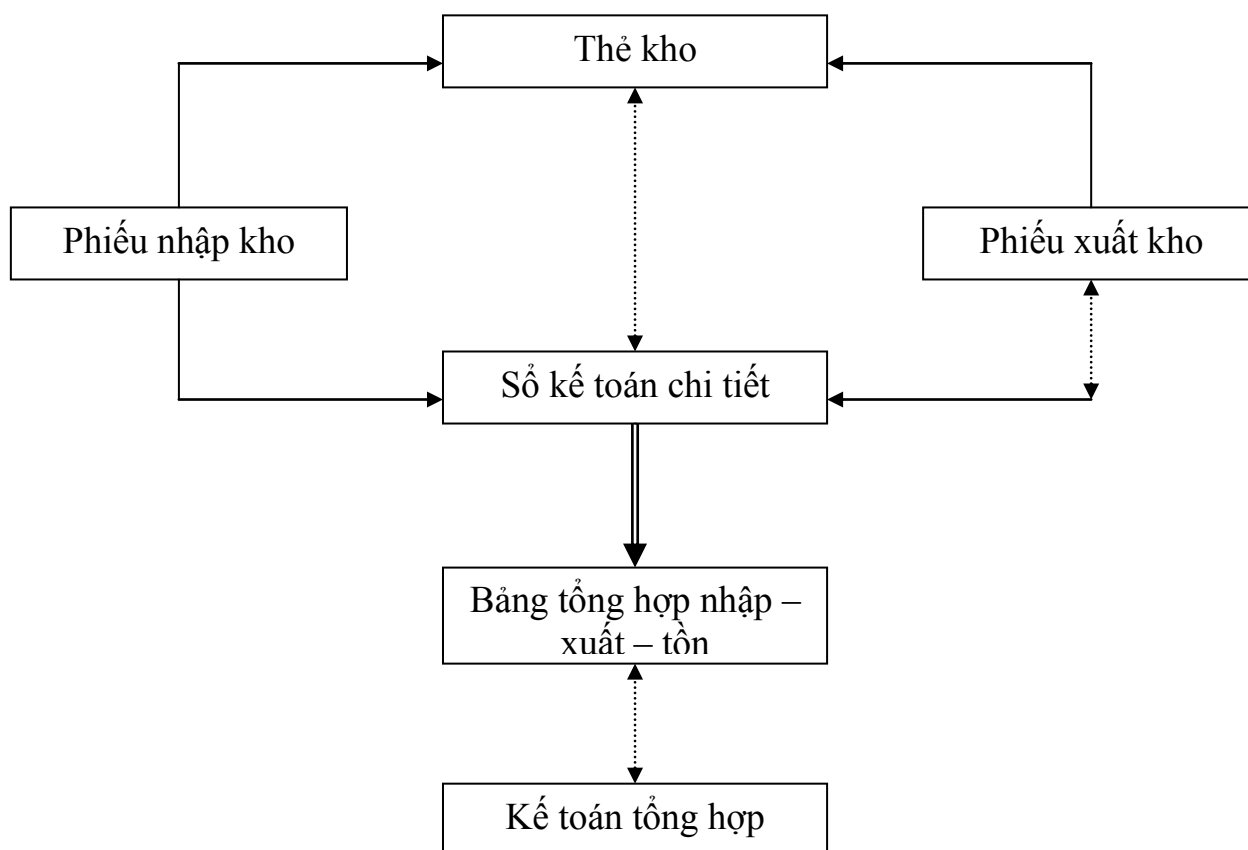
- phương pháp thẻ song song
- Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển
- Phương pháp sổ số dư.

1.3.3.1 Phương pháp thẻ song song

- *Tại kho* : Việc ghi chép tình hình nhập xuất tồn kho hàng ngày do thủ kho tiến hành trên thẻ kho và chỉ ghi về mặt số lượng. Khi nhận được các chứng từ nhập xuất vật liệu thủ kho phải tiến hành kiểm tra hợp lý, hợp pháp của chứng từ rồi ghi số thực nhập, thực xuất vào chứng từ và thẻ kho. Định kỳ thủ kho chuyển (hoặc kế toán xuống nhận kho) các chứng từ nhập xuất được phân loại theo từng thứ vật liệu cho phòng kế toán.
- *Tại phòng kế toán*: Kế toán sử dụng sổ (thẻ) kế toán chi tiết vật liệu để ghi chép tình hình nhập, xuất, tồn kho theo chỉ tiêu hiện vật và giá trị. Về bản sổ (thẻ) kế toán chi tiết vật liệu có kết cấu giống như thẻ kho nhưng có thêm các cột để ghi chép theo chỉ tiêu hiện vật và giá trị.

Cuối tháng, kế toán cộng sổ chi tiết vật liệu và kiểm tra đối chiếu với thẻ kho. Ngoài ra, để có số liệu đối chiếu, kiểm tra với kế toán tổng hợp, cần phải tổng hợp số liệu chi tiết từ các sổ chi tiết vào các bảng tổng hợp, có thể khái quát trình tự kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.1 Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song



Ghi chú:

- ▶ Ghi hàng ngày
- ══════════▶ Ghi cuối tháng
- ⋯⋯⋯⋯⋯▶ Quan hệ đối chiếu

Ưu điểm: ghi chép đơn giản, dễ kiểm tra, dễ đối chiếu

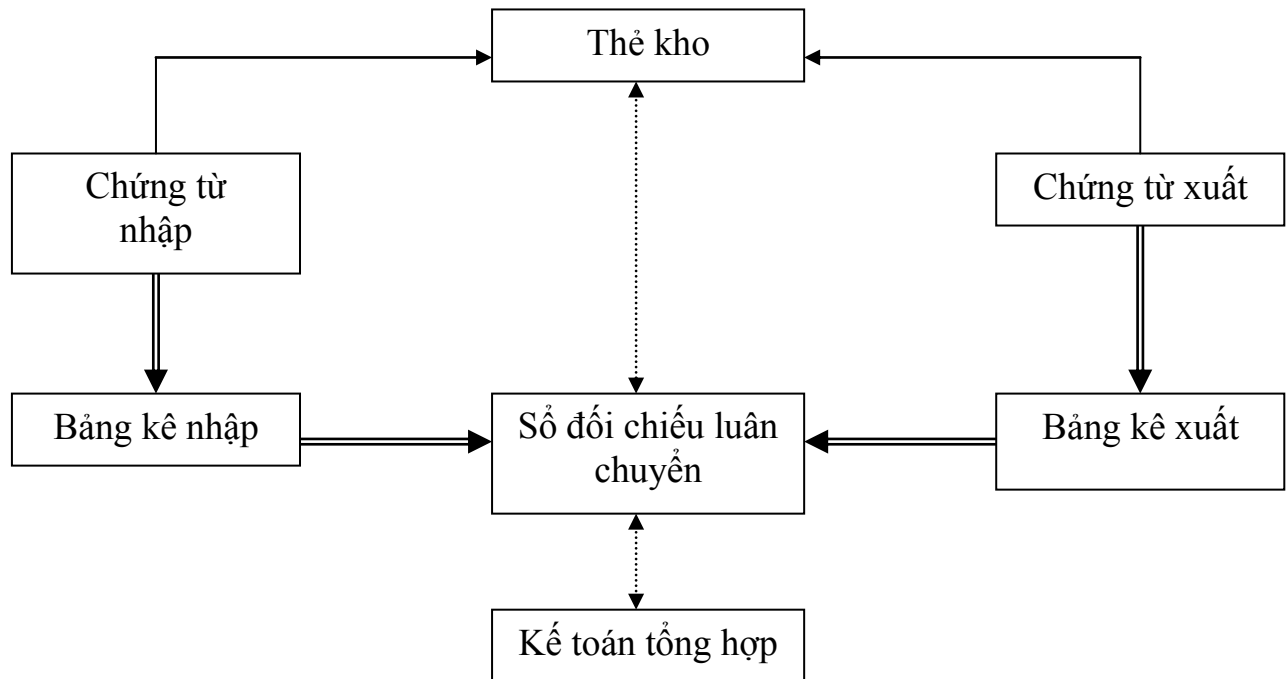
Nhược điểm: Việc ghi chép giữa thủ kho và phòng kế toán còn trùng lặp về mặt chỉ tiêu số lượng. Ngoài ra, việc kiểm tra đối chiếu chủ yếu tiến hành vào cuối tháng do vậy hạn chế chức năng kịp thời của kế toán

Phạm vi áp dụng: Thích hợp với các doanh nghiệp có ít chủng loại vật liệu, khối lượng các nghiệp vụ (chứng từ) nhập xuất ít, không thường xuyên và nghiệp vụ của kế toán chuyên môn còn hạn chế.

1.3.3.2 Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

- Tại kho: việc ghi chép của thủ kho được thực hiện trên thẻ kho giống như phương pháp thẻ song song
- Tại phòng kế toán: Kế toán mở sổ đối chiếu luân chuyển để ghi chép tình hình nhập – xuất – tồn kho của từng loại vật liệu, ở từng kho dùng cho cả năm, nhưng mỗi tháng chỉ ghi một lần vào cuối tháng. Để có số liệu ghi sổ đối chiếu luân chuyển kế toán phải lập bảng kê nhập, bảng kê xuất trên cơ sở các chứng từ nhập xuất mà theo định kỳ thủ kho gửi lên. Sổ đối chiếu luân chuyển cũng được theo dõi cả về chỉ tiêu số lượng và chỉ tiêu giá trị. Cuối tháng tiến hành đối chiếu luân chuyển với thẻ kho và số liệu kế toán tổng hợp.

Sơ đồ 1.2 : Kế toán chi tiết vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng
- ←.....→ Quan hệ đối chiếu

Ưu điểm: Tránh được việc ghi chép trùng lặp giữa kho và phòng kế toán, giảm bớt khối lượng ghi chép kế toán, công việc được tiến hành đều trong tháng

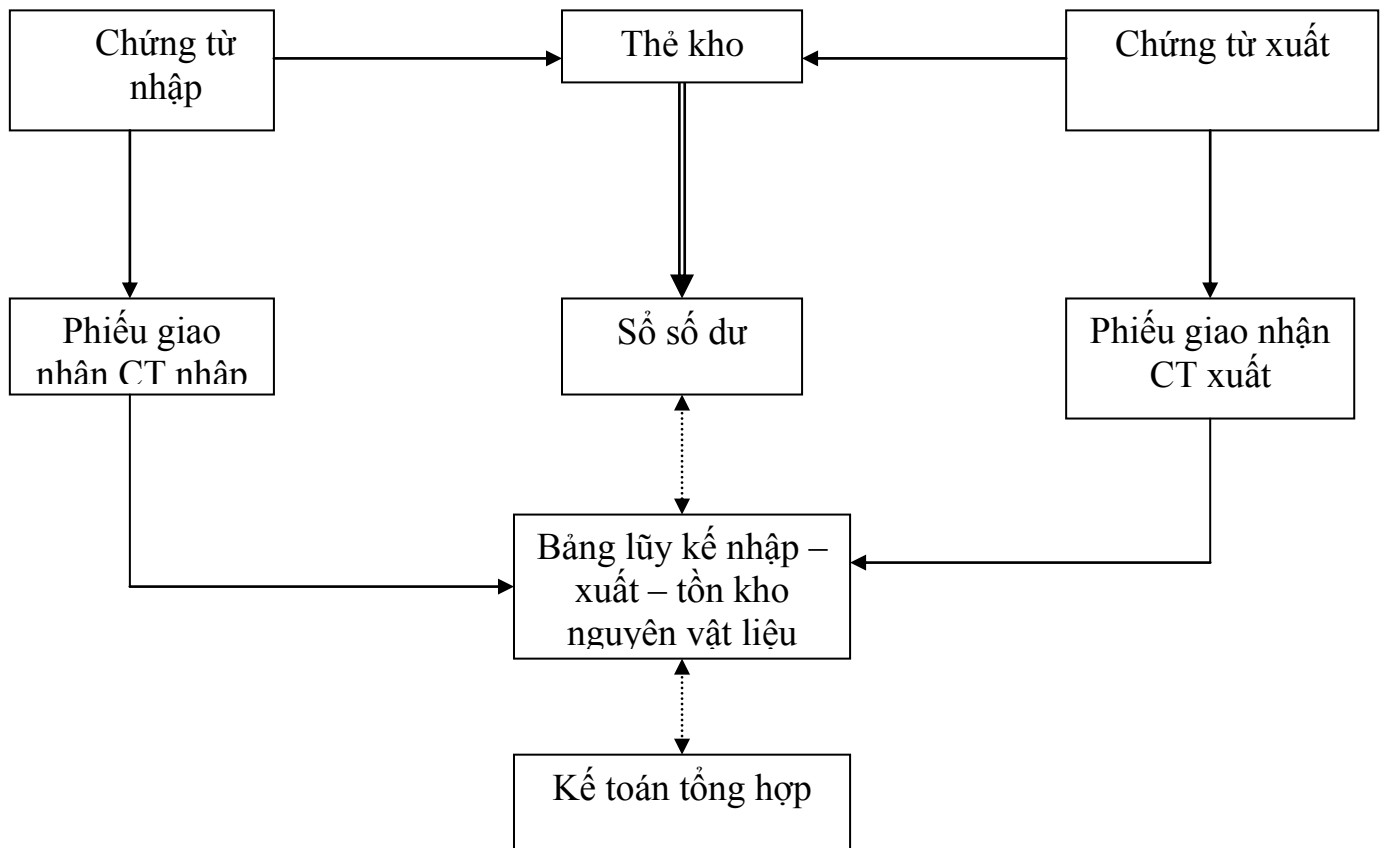
Nhược điểm: Do kế toán chỉ ghi vào cuối tháng nên muốn biết tình hình tăng, giảm của từng loại vật liệu về mặt hiện vật hàng ngày thì phải xem số liệu trên thẻ kho. Hơn nữa, việc kiểm tra phát hiện sai sót giữa kho và phòng kế toán gặp khó khăn.

Phạm vi áp dụng: Thích hợp cho các doanh nghiệp sản xuất có khối lượng công việc nghiệp vụ nhập, xuất (chứng từ nhập xuất) nhiều, thường xuyên nhiều chủng loại vật liệu và với điều kiện doanh nghiệp sử dụng giá hạch toán để hạch toán nhập – xuất đã xây dựng hệ thống danh điểm vật liệu, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ kế toán vững vàng.

1.3.3.3 Phương pháp sổ số dư

- Tại kho: Thủ kho dùng thẻ kho để ghi chép tình hình nhập – xuất – tồn kho nhưng cuối tháng phải ghi sổ tồn kho đã tính trên thẻ kho sang sổ số dư vào cột lượng.
- Tại phòng kế toán: kế toán mở sổ theo dõi từng kho chung cho cả năm để ghi chép tình hình nhập – xuất . từ bảng kê nhập , bảng kê xuất kế toán lập bảng lũy kế nhập , lũy kế xuất rồi từ bảng lũy kế lập bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn kho theo từng nhóm, loại vật liệu theo chỉ tiêu giá trị.
- Cuối tháng ghi nhận sổ số dư do thủ kho gửi lên, kế toán căn cứ vào sổ tồn kho cuối tháng do thủ kho tính và ghi sổ dư, đơn giá hạch toán tính ra giá trị tồn kho để ghi vào cột số tiền trên sổ số dư. Việc kiểm tra, đối chiếu căn cứ vào cột số tiền tồn kho trên sổ số dư và bảng kê tổng hợp nhập – xuất – tồn (cột số tiền) và số liệu kế toán tổng hợp.

Sơ đồ 1.3 Kế toán chi tiết vật liệu theo phương pháp sổ số dư



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng
- ←.....→ Quan hệ đối chiếu

Ưu điểm: tránh được việc ghi chép trùng lặp giữa kho và phòng kế toán , giảm bớt khối lượng ghi chép, công việc được tiến hành đều trong tháng.

Nhược điểm: Do kế toán chỉ theo dõi về mặt giá trị nên muốn biết số hiện có và tình hình tăng giảm của từng loại vật liệu về mặt hiện vật thì phải xem số liệu trên thẻ kho. Việc đối chiếu giữa kho và phòng kế toán gặp khó khăn.

Phạm vi áp dụng: Thích hợp cho các doanh nghiệp sản xuất có khối lượng công tác nghiệp vụ nhập , xuất (chứng từ nhập, xuất) nhiều, thường xuyên , nhiều chủng loại và với điều kiện doanh nghiệp sử dụng giá hạch toán để hạch toán nhập – xuất đã xây dựng hệ thống danh điểm vật liệu.

1.3.4 Kế toán tổng hợp tình hình biến động nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

1.3.4.1 Kế toán tình hình biến động nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên

- **Nội dung phương pháp kê khai thường xuyên**

Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp theo dõi phản ánh thường xuyên, liên tục, có hệ thống tình hình nhập – xuất – tồn kho nguyên vật liệu trên sổ kế toán.

Phương pháp kê khai thường xuyên dùng cho các tài khoản kế toán tồn kho nói chung và các tài khoản vật liệu nói riêng để phản ánh số hiện có, tình hình biến động tăng giảm vật liệu của hàng hóa. Vì vậy, nguyên vật liệu tồn kho trên sổ kế toán được xác định bất cứ lúc nào trong kỳ kế toán.

Cuối kỳ kế toán, căn cứ vào số liệu kiểm kê thực tế vật liệu tồn kho, so sánh đối chiếu với số liệu tồn kho trên sổ kế toán, nếu có chênh lệch phải truy tìm nguyên nhân và có giải pháp xử lý kịp thời.

Phương pháp kê khai thường xuyên thường được áp dụng trong các doanh nghiệp sản xuất và các đơn vị sản xuất kinh doanh các mặt hàng có giá trị lớn.

- Kế toán tình hình biến động nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên

+ Tài khoản sử dụng

Để tổng hợp nguyên vật liệu kế toán sử dụng tài khoản chủ yếu là tình hình tăng giảm các loại nguyên vật liệu. Để kế toán chi tiết theo từng loại nguyên vật liệu phù hợp với nội dung kinh tế và yêu cầu quản trị của doanh nghiệp thì có thể mở tài khoản 152 thành các tài khoản chi tiết

- Tài khoản 1521 : Vật liệu chính
- Tài khoản 1523: Nhiên liệu là loại vật tư được sử dụng có tác dụng cung cấp nhiệt lượng cho quá trình sản xuất
- Tài khoản 1522 : Vật liệu phụ không cấu thành nên thực thể của sản phẩm nhưng có tác dụng làm tăng chất lượng sản phẩm và tạo điều kiện cho quá trình sản xuất được tiến hành bình thường

- Tài khoản 1524: Phụ tùng thay thế là chi tiết phụ tùng của các loại máy móc thiết bị
- Tài khoản 1526: Phế liệu thu hồi phản ánh giá trị các vật dụng thu hồi trong sản xuất
- Tài khoản 1528: Vật liệu khác

Trong từng tài khoản cấp 2 lại có thể chi tiết thành các tài khoản cấp 3, cấp 4...tới từng nhóm, từng thứ vật liệu tùy thuộc vào yêu cầu quản lý nguyên vật liệu của doanh nghiệp. Ngoài các tài khoản trên kế toán tổng hợp vật liệu còn sử dụng các tài khoản sau:

- + Tài khoản 151: Hàng mua đang đi đường
- + Tài khoản 331: Phải trả cho người bán
- + Tài khoản 111, 112, 141, 611, 621...

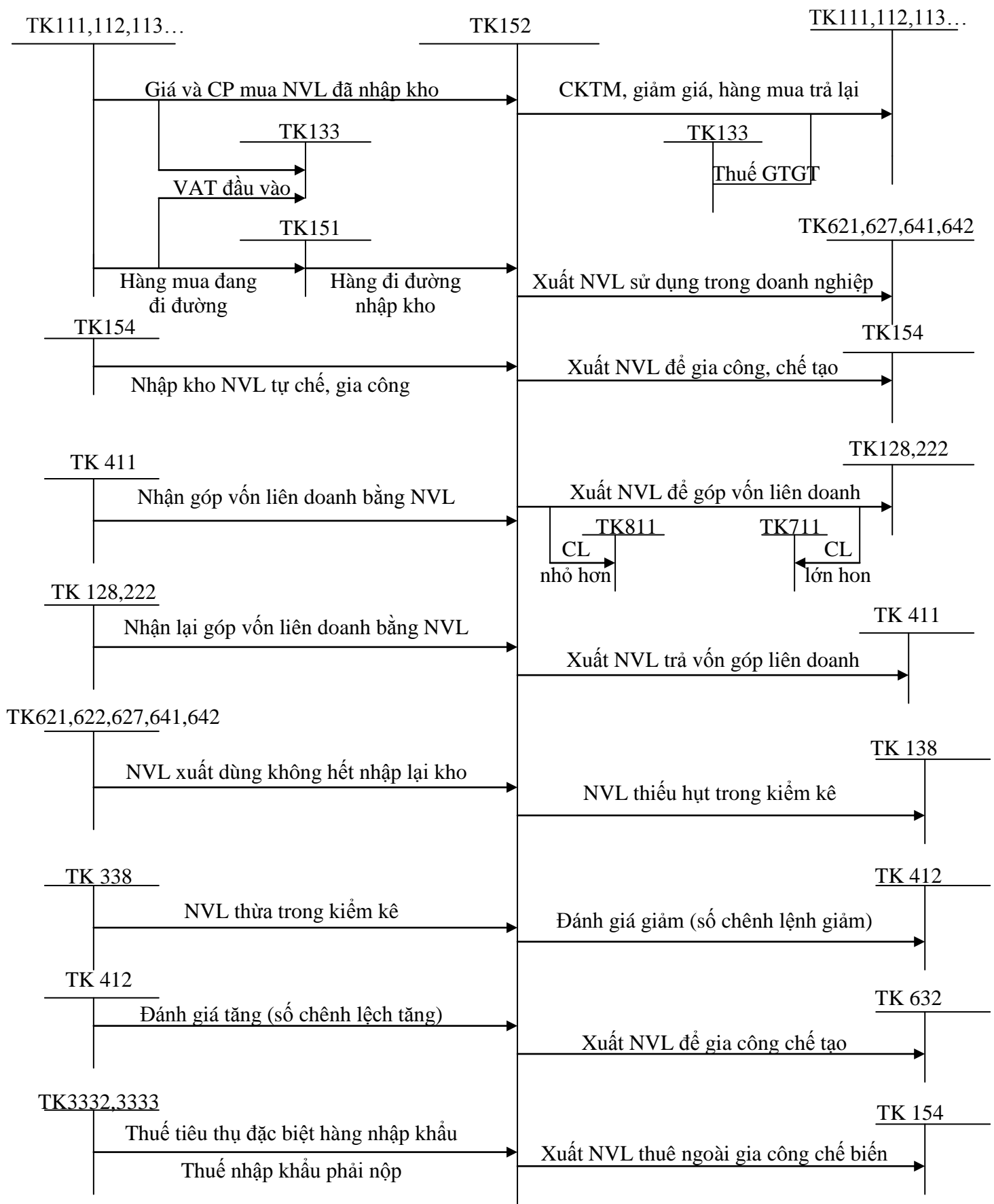
- Kết cấu, nội dung tài khoản 152 – nguyên liệu, vật liệu:

Tài khoản 152

<p>Bên nợ: Phản ánh các nghiệp vụ phát sinh ngoài, tự sản xuất, nhận góp vốn, phát hiện thừa, đánh giá tăng), phản ánh giá trị thực tế vật liệu nhập kho trong kỳ</p> <p>Dư nợ: Giá thực tế của vật liệu tồn kho đầu kỳ hoặc cuối kỳ</p>	<p>Bên có: Phản ánh các nghiệp vụ phát sinh làm giảm nguyên vật liệu trong kỳ(xuất dùng, xuất bán, xuất góp vốn liên doanh, thiếu hụt, giảm giá được hưởng), phản ánh giá trị thực tế vật liệu xuất kho trong kỳ</p>
--	--

Tùy theo yêu cầu quản lý cụ thể của từng doanh nghiệp, các doanh nghiệp có thể mở các tài khoản chi tiết cho từng loại nguyên vật liệu

Khoá luận tốt nghiệp - Trường ĐHDL Hải Phòng



1.3.4.2 Kế toán tình hình biến động nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ

*** Nội dung phương pháp kiểm kê định kỳ**

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp không theo dõi thường xuyên, liên tục tình hình nhập – xuất – tồn kho trên các tài khoản kế toán mà chỉ theo dõi, phản ánh giá trị tồn kho đầu kỳ và giá trị còn lại cuối kỳ căn cứ vào số liệu kiểm kê định kỳ hàng tồn kho. Việc xác định giá trị nguyên vật liệu xuất dùng trên các tài khoản kế toán tổng hợp không căn cứ vào các chứng từ nhập – xuất kho mà căn cứ vào giá trị tồn kho cuối kỳ, mua nhập trong kỳ và kết quả kiểm kê cuối kỳ để tính. Chính vì vậy, trên tài khoản tổng hợp (TK 611) không thể hiện rõ giá trị vật liệu xuất dùng cho từng đối tượng, cho các nhu cầu sản xuất khác nhau và không thể hiện được số mất mát, hư hỏng. Phương pháp kiểm kê định kỳ được áp dụng trong các doanh nghiệp sản xuất có quy mô nhỏ, có nhiều chủng loại vật tư với quy cách, mẫu mã rất khác nhau, giá trị thấp và được xuất thường xuyên

- Kế toán tổng hợp tình hình biến động nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ

- + Tài khoản sử dụng

Doanh nghiệp sử dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu, kế toán phải sử dụng TK 611- mua hàng. Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị thực tế của số vật tư, hàng hóa mua vào và xuất ra trong kỳ.

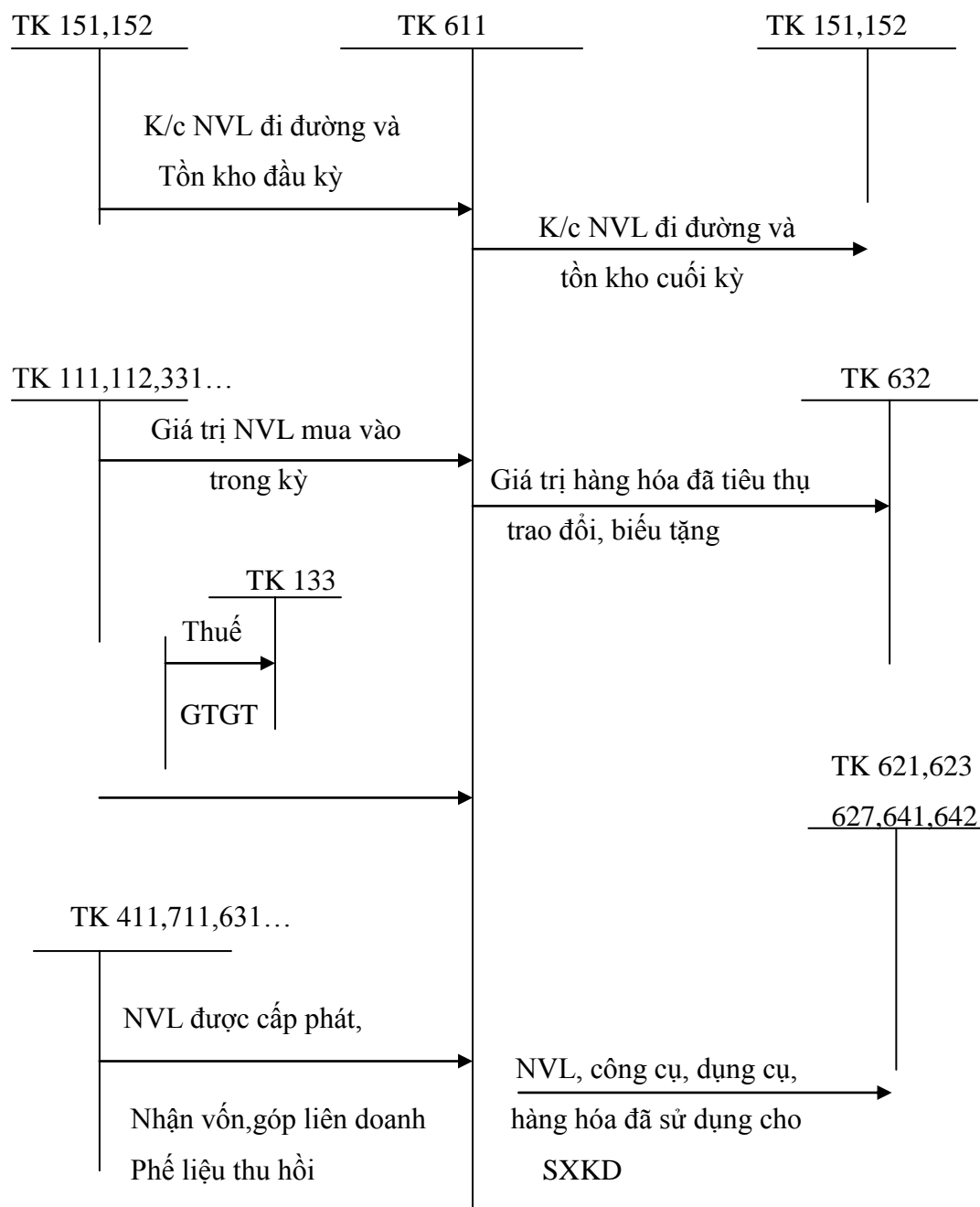
- + Kết cấu, nội dung TK 611 – mua hàng

Tài khoản 611

<i>Bên nợ:</i>	<i>Bên có:</i>
<ul style="list-style-type: none">- Kết chuyển giá thực tế của vật tư, hàng hóa tồn đầu kỳ- Giá thực tế của vật tư, hàng hóa nhập trong kỳ	<ul style="list-style-type: none">- Kết chuyển giá thực tế của vật tư, hàng hóa tồn kho cuối kỳ- Chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, giảm giá- Giá thực tế của vật tư hàng hóa xuất trong kỳ.

Bên cạnh đó, kế toán nguyên vật liệu còn sử dụng các tài khoản 151, 131, 111, 331....

Sơ đồ 1.5 : Kế toán vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ



1.3.5 Hệ thống sổ sách kế toán nguyên vật liệu

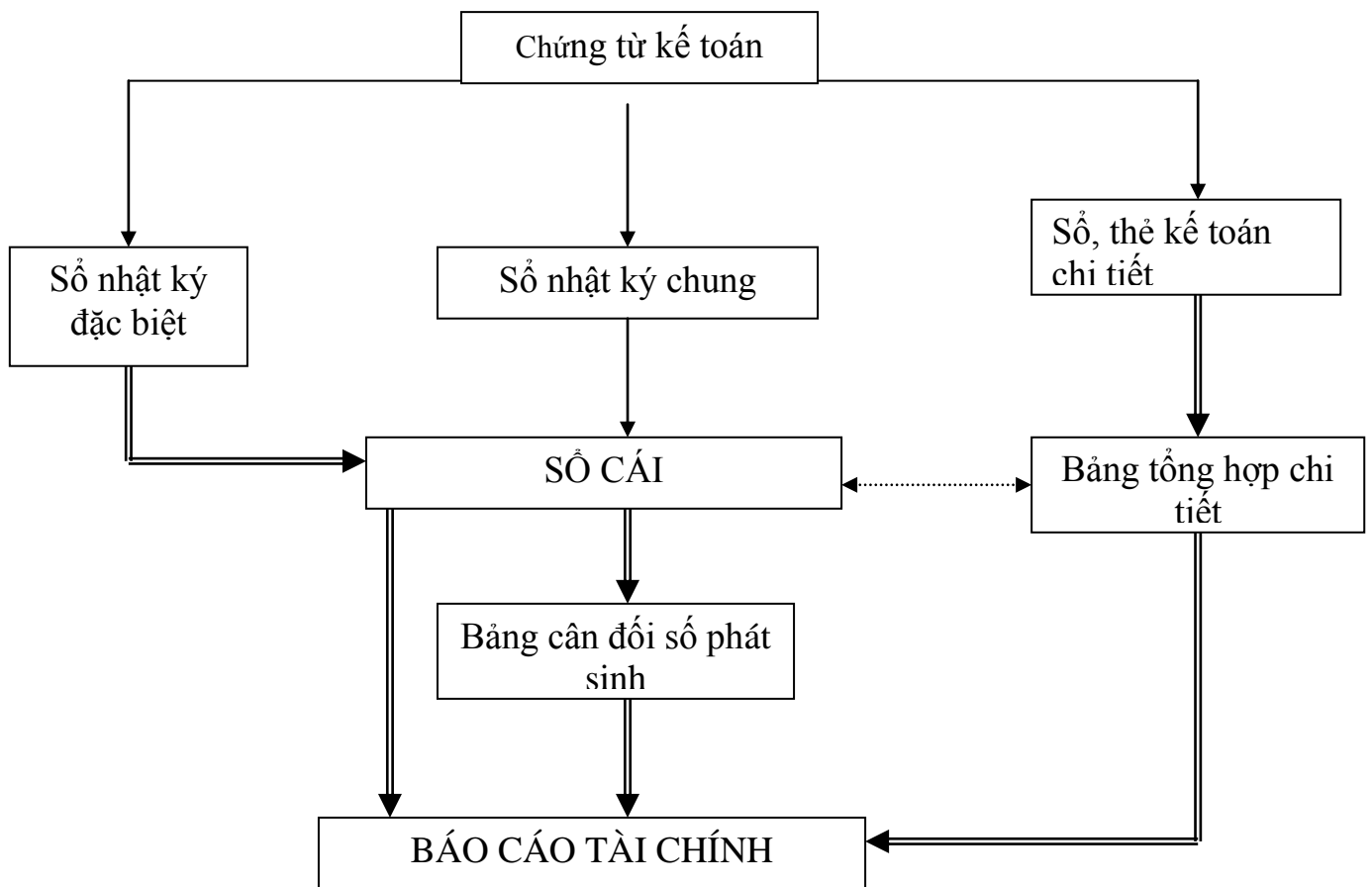
Bao gồm 5 hình thức:

- Hình thức sổ Nhật ký chung
- Hình thức sổ Nhật ký- sổ cái
- Hình thức sổ chứng từ ghi sổ
- Hình thức sổ Nhật ký – chứng từ
- Hình thức sổ trên máy vi tính

1.3.5.1 Hình thức sổ nhật ký chung

- Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký mà trọng tâm là sổ nhật ký chung theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật ký để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.
- Hình thức sổ nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu
 - + Sổ nhật ký chung
 - + Sổ cái
 - + Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.6: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng
- ←.....→ Quan hệ đối chiếu

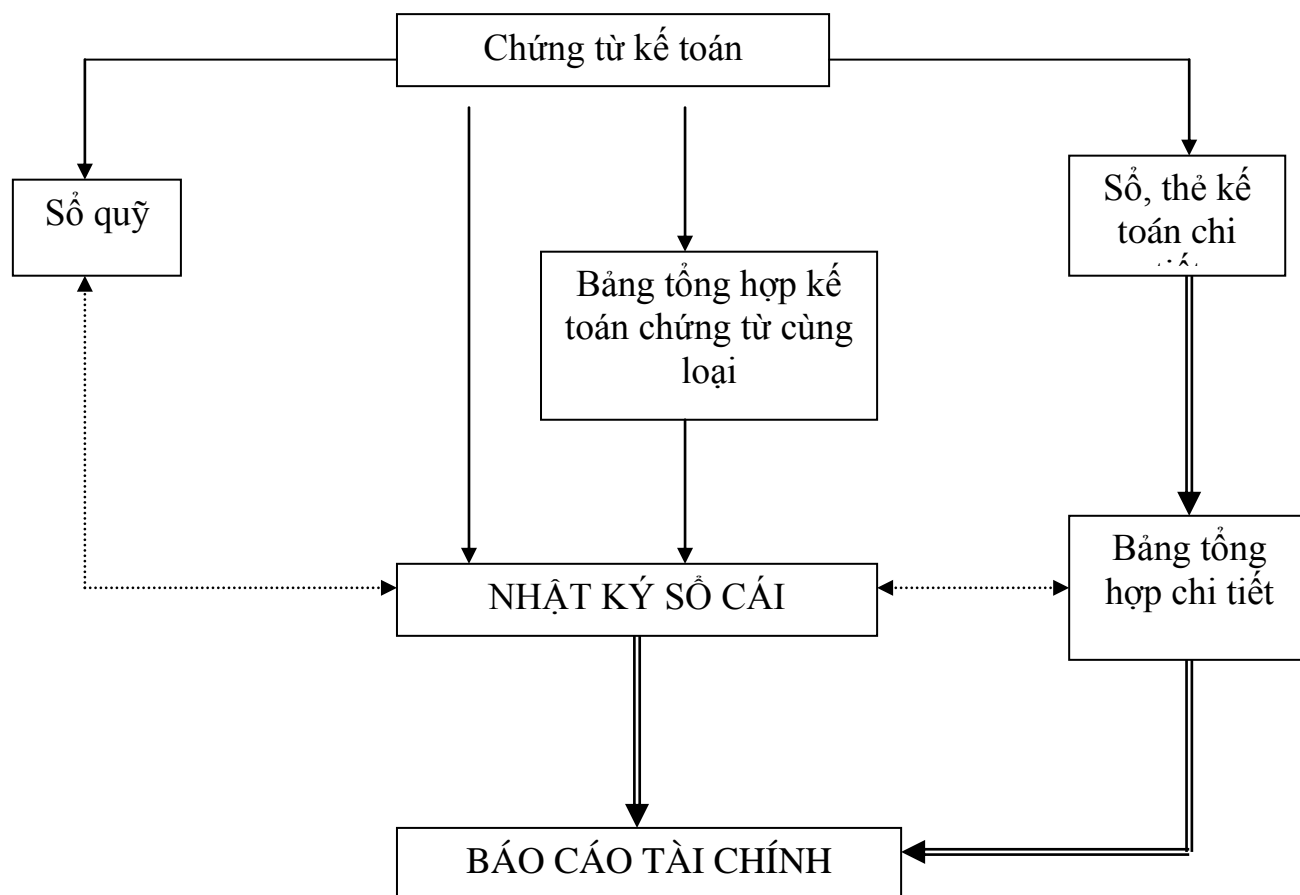
1.3.5.2 Hình thức sổ Nhật ký – sổ cái

- Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và nội dung kinh tế trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ nhật ký – sổ cái. Căn cứ để ghi sổ nhật ký – sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

- Hình thức sổ Nhật ký – sổ cái gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- + Sổ Nhật ký – sổ cái
- + Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.7 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký – sổ cái



Ghi chú:

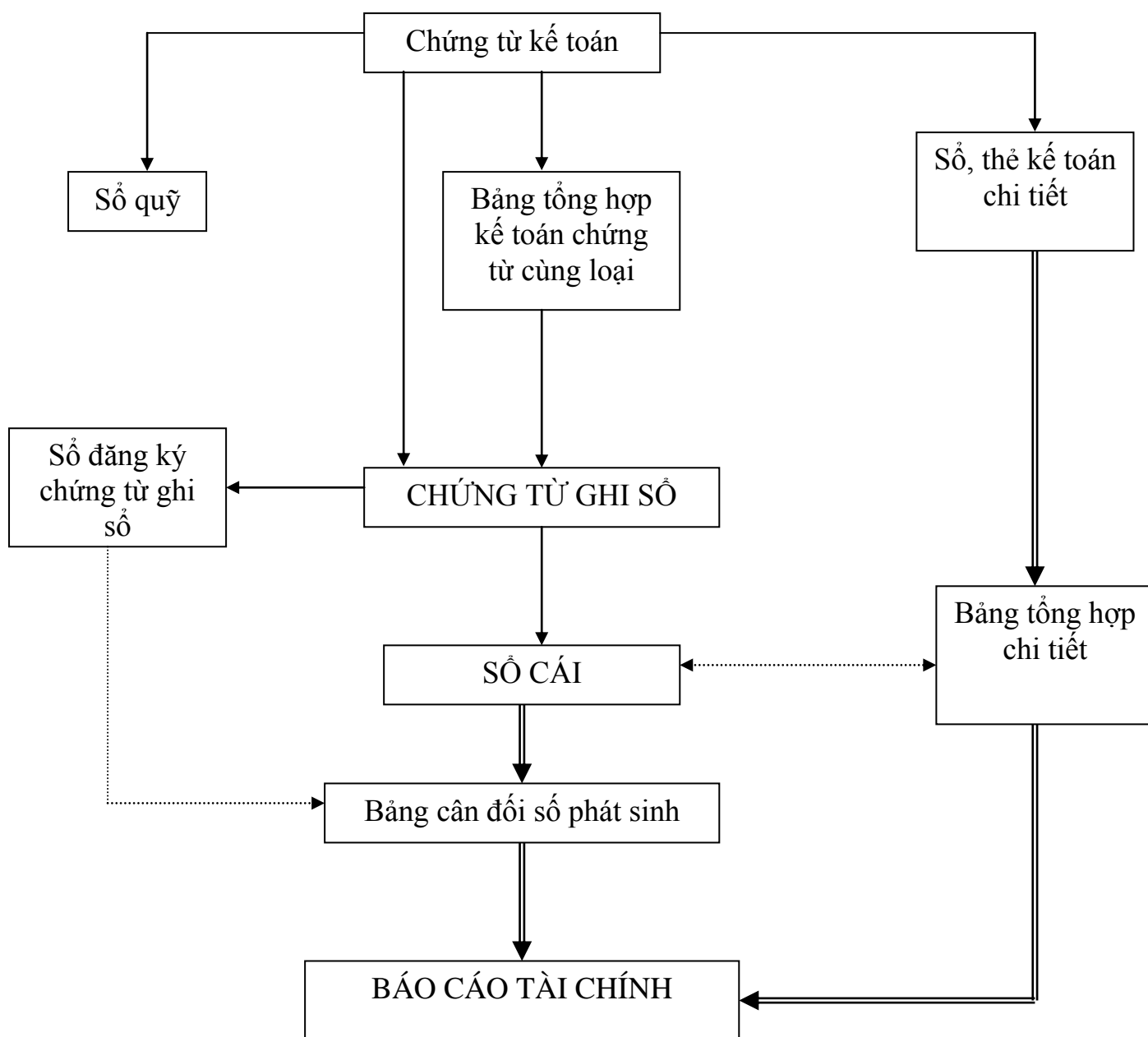
- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng
- ←-.-.-.-> Quan hệ đối chiếu

- **Ưu nhược điểm:** Hạch toán theo hệ thống sổ Nhật ký – sổ cái rất đơn giản, số lượng sổ ít, số liệu kế toán tập trung. Tuy vậy, hình thức sổ có hạn chế lớn là ghi trùng lặp trên một dòng ghi, khuôn sổ công kênh, khó bảo quản trong niên độ, số lượng sổ tổng hợp chỉ có một quyển nên khó phân công lao động kế toán cho mục đích kiểm soát nội bộ.
- **Điều kiện vận dụng:** Áp dụng trong các doanh nghiệp có ít tài khoản sử dụng, ít lao động kế toán, khối lượng nhiệm vụ phát sinh không nhiều.

1.3.5.3 Hình thức sổ chứng từ ghi sổ

- Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là sổ chứng từ ghi sổ. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:
 - + Ghi theo trình tự thời gian trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
 - + Ghi theo nội dung kinh tế trên sổ cái
- Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có nội dung kinh tế. Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong sổ đăng ký chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.
- Trong hình thức chứng từ ghi sổ sử dụng các sổ tổng hợp chủ yếu
 - + Sổ chứng từ ghi sổ - sổ nhật ký tài khoản
 - + Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ - nhật ký tổng quát
 - + Sổ cái tài khoản
 - + Sổ , thẻ chi tiết

Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

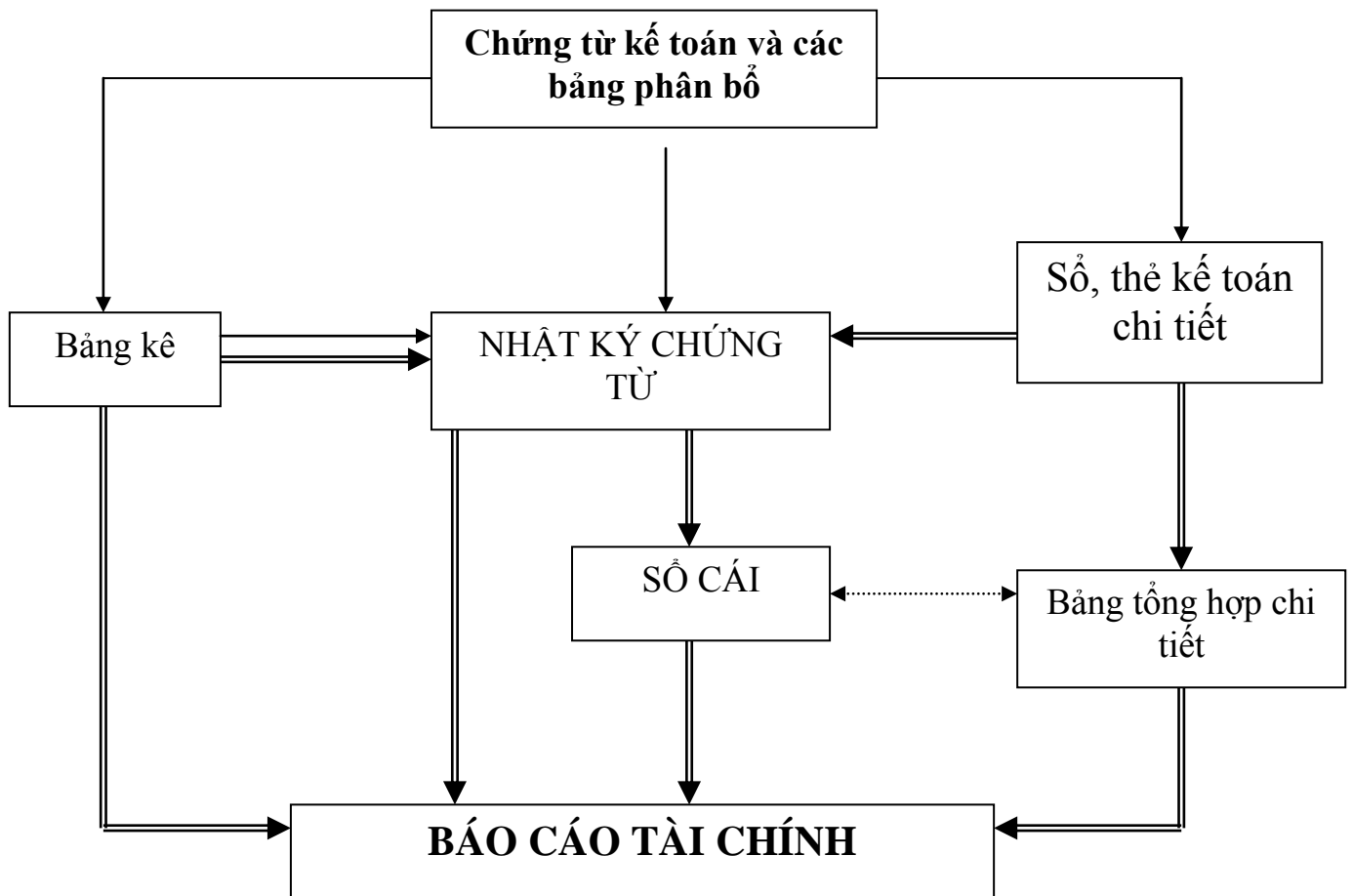
- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng
- ←.....→ Quan hệ đối chiếu

- **Ưu nhược điểm:** Ghi chép đơn giản, kết cấu sổ dễ ghi, thống nhất cách thiết kế sổ nhật ký và sổ cái, số liệu kế toán dễ đối chiếu, dễ kiểm tra. Tuy vậy hình thức sổ kế toán chứng từ ghi sổ vẫn chưa khắc phục được nhược điểm ghi chép trùng lặp của các hình thức sổ kế toán ra đời được sử dụng trước nó.
- **Điều kiện vận dụng:** Áp dụng với mọi loại quy mô đơn vị sản xuất kinh doanh và đơn vị quản lý cũng như đơn vị hành chính sự nghiệp.

1.3.5.4 Hình thức sổ kế toán nhật ký chứng từ

- Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng nợ.
- Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế
- Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép
- Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.
- Hình thức sổ kế toán nhật ký – chứng từ gồm các loại sổ sau:
 - + Sổ nhật ký – chứng từ
 - + Bảng kê
 - + Sổ cái
 - + Sổ hoặc thẻ chi tiết

Sơ đồ 1.9 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký chứng từ



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng
-<-----> Quan hệ đối chiếu

- **Ưu nhược điểm:** Đảm bảo tính chuyên môn hóa cao của sổ kế toán, thực hiện chuyên môn hóa và phân công chuyên môn hóa lao động kế toán. Sổ kết cấu theo bàn cờ nên tính chất kiểm tra đối chiếu cao, mẫu sổ in sẵn quan hệ đối ứng và ban hành thống nhất tạo kỷ cương cho việc ghi chép. Tuy vậy, hạn chế lớn nhất của hình thức này là phức tạp về kết cấu, quy mô sổ lớn về

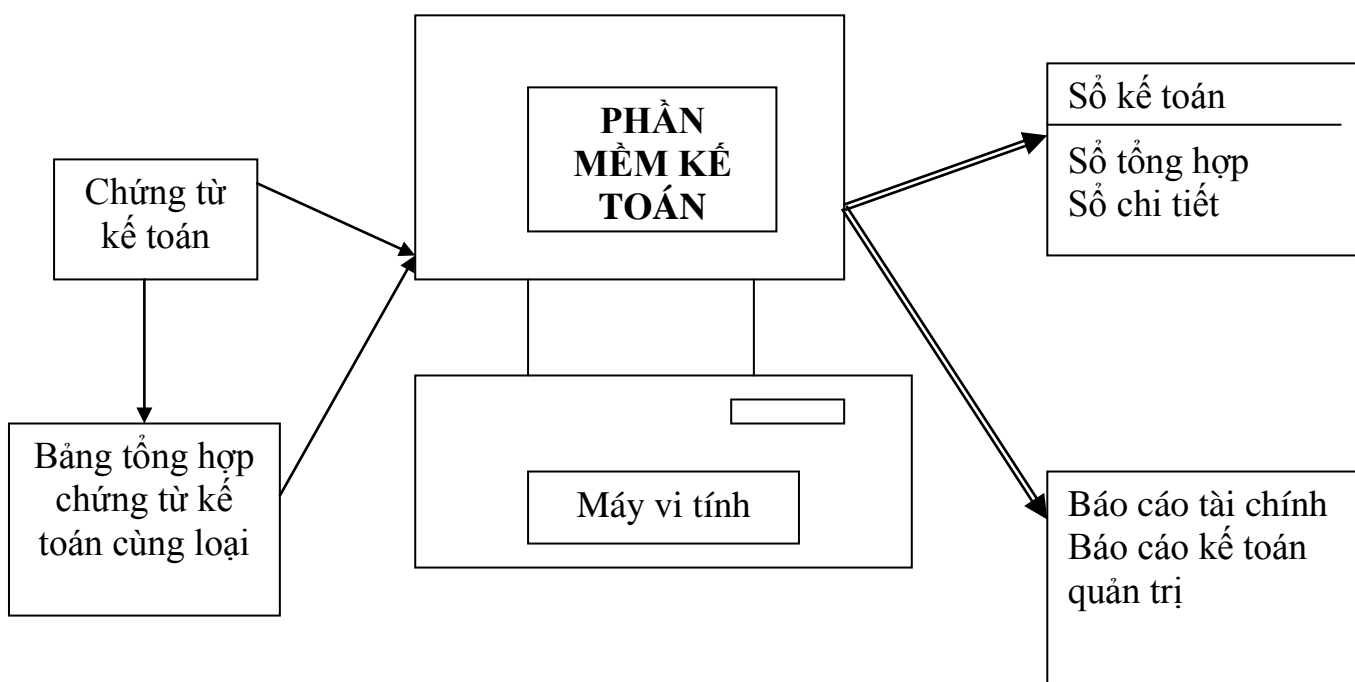
lượng và loại , đa dạng kết cấu giữa các đối tượng trên loại sổ nhật ký chính và phụ nên khó vận dụng máy tính để xử lý số liệu.

- **Điều kiện vận dụng:** Áp dụng trong các doanh nghiệp sản xuất hoặc doanh nghiệp thương mại có quy mô lớn, đội ngũ nhân viên kế toán đủ nhiều, đủ trình độ để thao tác nghiệp vụ đúng trên sổ, đơn vị chủ yếu thực hiện kế toán bằng lao động thủ công.




1.3.5.5 hình thức kế toán trên máy vi tính

- Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy tính . Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.
- Các loại sổ của hình thức kế toán trên máy: Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

Sơ đồ 1.10 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính



Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày: 
- In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm 
- Đối chiếu, kiểm tra 

1.3.6 Vấn đề kiểm kê nguyên vật liệu

1.3.6.1 Khái niệm

- Kiểm kê nguyên vật liệu tồn kho là nhằm xác định số lượng, chất lượng, giá trị từng loại nguyên vật liệu hiện có của doanh nghiệp, kiểm tra tình hình bảo quản nhập – xuất và sử dụng nguyên vật liệu, phát hiện và xử lý kịp thời những nguyên vật liệu hao hụt, hư hỏng, ứ đọng kém phẩm chất, ngăn ngừa hiện tượng tham ô lãng phí nguyên vật liệu. Có biện pháp xử lý kịp thời những hiện tượng tiêu cực nhằm chấn chỉnh và đưa vào nề nếp công tác và hạch toán nguyên vật liệu ở doanh nghiệp
- Đánh giá lại nguyên vật liệu thường được thực hiện trong trường hợp nhà nước quy định nhằm bảo toàn vốn kinh doanh khi có sự biến động lớn về giá cả và đem nguyên vật liệu đi góp vốn liên doanh
- Tùy theo yêu cầu quản lý, kiểm kê nguyên vật liệu có thể được thực hiện theo phạm vi từng bộ phận, đơn vị hoặc toàn doanh nghiệp, kiểm kê định kỳ hoặc kiểm kê bất thường.
- Khi kiểm kê doanh nghiệp phải thành lập hội đồng, hoặc ban kiểm kê phải có thành phần của đại diện lãnh đạo, những người chịu trách nhiệm vật chất bảo quản nguyên vật liệu, phòng kế toán và cán bộ quản lý doanh nghiệp khi kiểm kê phải thực hiện cân, đong, đo, đếm và phải lập biên bản kế toán, xác định chênh lệch giữa số liệu kiểm kê và số liệu ghi trong sổ sách kế toán, đề xuất ý kiến xử lý khoản chênh lệch (nếu có)

1.3.6.2 Phương pháp hạch toán khi kiểm kê

- Căn cứ vào biên bản kiểm kê nguyên vật liệu xác định thừa chưa rõ nguyên nhân:
 - Nợ TK 152 : Nguyên vật liệu
 - Có TK 3381 : Nguyên vật liệu thừa chờ xử lý
- Căn cứ vào biên bản kiểm kê nguyên vật liệu xác định thiếu chưa rõ nguyên nhân:

Nợ TK 1381 : Nguyên vật liệu thiếu chờ xử lý

Có TK 152 : Nguyên vật liệu

- Trường hợp phát hiện nguyên vật liệu thiếu đã xác định được nguyên nhân , người phạm lỗi phải bồi thường

Nợ TK 111 : Tiền mặt

Nợ TK 334 : Trừ vào lương

Nợ TK 1388 : Phải thu khác

Có TK 1381

- Trường hợp kiểm nhận nguyên vật liệu mua về nhập kho , nếu số kiểm nhận lớn hơn hoặc nhỏ hơn số ghi hóa đơn, hội đồng hoặc ban kiểm nhận phải lập biên bản kiểm nghiệm (03 – VT) và xác định nguyên nhân cụ thể để ghi sổ kế toán.

Nếu thừa với số lượng lớn do bên giao nhầm kế toán ghi vào TK 002: vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, gia công và phải có trách nhiệm báo cho bên bán biết để xử lý. Trong thời gian giữ hộ, doanh nghiệp cần có trách nhiệm bảo quản số nguyên vật liệu đó.

Trường hợp thiếu nguyên vật liệu chưa rõ nguyên nhân:

Nợ TK 152 : Số thực nhập

Nợ TK 1381 : Số thiếu

Có TK 111,112,331 : Số theo HĐ

Nếu giá trị nguyên vật liệu thiếu nằm trong phạm vi hao hụt cho phép (hao hụt trong định mức) thì được tính vào giá trị vật tư nhập kho.

- Trường hợp đánh giá lại nguyên vật liệu doanh nghiệp phải lập hội đồng hoặc ban đánh giá lại. Căn cứ vào biên bản đánh giá lại

+ Nếu đánh giá lại nhỏ hơn ghi sổ kế toán, phần chênh lệch ghi:

Nợ TK 412 : Chênh lệch đánh giá lại nguyên vật liệu

Có TK 152

+ Nếu đánh giá lại lớn hơn giá ghi sổ kế toán, phần chênh lệch ghi:

Nợ TK 152 :

Có TK 412 : Chênh lệch đánh giá lại nguyên vật liệu

1.3.6.3 Xử lý kết quả kiểm kê và đánh giá lại nguyên vật liệu

- Số nguyên vật liệu thừa:

Nợ TK 3381 : Số thừa chờ xử lý

Có TK 721 : Thu nhập bất thường

- Số nguyên vật liệu thiếu:

+ Nếu thiếu hụt tổn thất trong định mức:

Nợ TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 1381 : Phải thu khác

+ Nếu số nguyên vật liệu thiếu , người chịu trách nhiệm vật chất phải bồi thường thì ghi:

Nợ TK 1388 : Phải thu khác

Nợ TK 334 : Trừ vào lương

Nợ TK 111 : Tiền mặt

Có TK 1381 : Số thiếu chờ xử lý

- Đối với kiểm kê chênh lệch do đánh giá lại, nếu được phép ghi tăng, giảm nguồn vốn kinh doanh

+ nếu ghi tăng nguồn vốn kinh doanh

Nợ TK 412 : Chênh lệch đánh giá lại tài sản

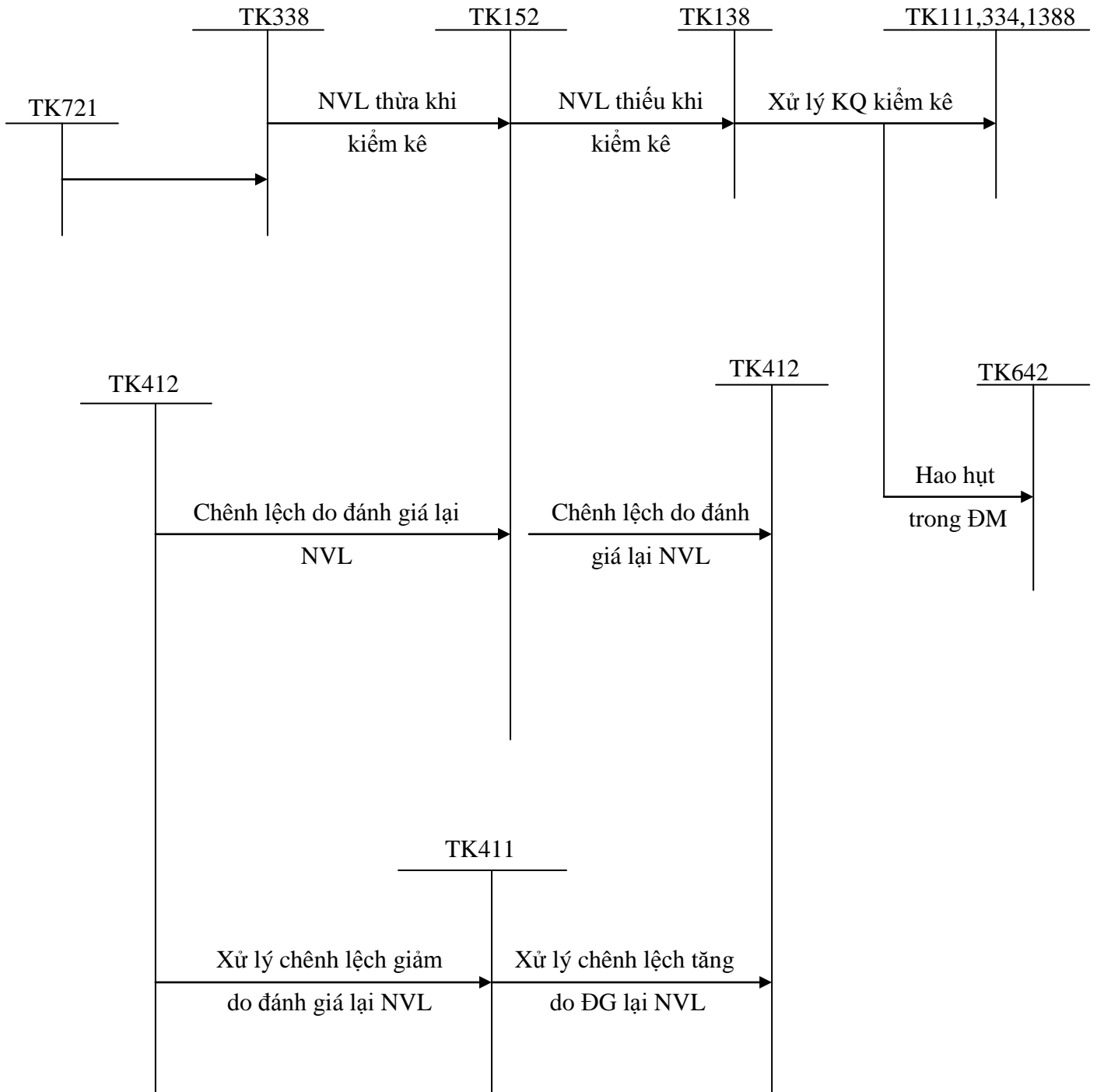
Có TK 411 : nguồn vốn kinh doanh

+ Nếu ghi giảm nguồn vốn kinh doanh

Nợ TK 411 : Nguồn vốn kinh doanh

Có TK 412 ; Chênh lệch đánh giá lại tài sản

**Sơ đồ 1.11 Kiểm kê và đánh giá lại nguyên vật liệu
(theo phương pháp kê khai thường xuyên)**



1.3.7 Hệ thống báo cáo kế toán nguyên vật liệu

Trong quá trình điều hành hoặc tiến hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, để có những quyết định kinh tế chính xác, kịp thời đòi hỏi phải có những thông tin mang tính tổng quát, khái quát, có hệ thống và tương đối toàn diện về tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp sau mỗi kỳ nhất định. Những thông tin này phải là những thông tin kinh tế tài chính do kế toán thu thập, tổng hợp và cung cấp. Vì vậy sau một kỳ kế toán các doanh nghiệp nhất thiết phải lập và lưu hành các báo cáo kế toán.

Hệ thống báo cáo kế toán được chia thành 2 loại:

- + Báo cáo tài chính
- + Báo cáo quản trị

1.3.7.1 Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính là những báo cáo phản ánh tình hình tài chính của doanh nghiệp bằng cách tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế, tài chính có cùng tính chất kinh tế thành các yếu tố của báo cáo tài chính.

Các yếu tố liên quan trực tiếp đến đánh giá tình hình và kết quả kinh doanh trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là doanh thu, thu nhập khác, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh

Báo cáo tài chính cũng phản ánh tình hình tạo tiền và lưu chuyển tiền tệ của doanh nghiệp. Nói cách khác, báo cáo tài chính là phương tiện trình bày khả năng sinh lời và thực trạng tài chính của doanh nghiệp cho các đối tượng quan tâm.

Đối với nguyên vật liệu, báo cáo tài chính phải trình bày các chỉ tiêu liên quan đến nguyên vật liệu bao gồm: Các quy định kế toán áp dụng trong việc đánh giá nguyên vật liệu bao gồm cả phương pháp tính giá trị nguyên vật liệu, tổng số giá gốc của nguyên vật liệu và giá gốc của từng loại nguyên vật liệu được phân loại phù hợp với từng đơn vị, tổng số giá trị thuần có thể thực hiện được của nguyên vật liệu, của nguyên vật liệu đã dùng thế chấp, cầm cố như sự đảm bảo cho các khoản nợ.

1.3.7.2 Báo cáo quản trị

Báo cáo quản trị là những báo cáo chi tiết phục vụ yêu cầu quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh của quản lý trong doanh nghiệp. Các doanh nghiệp có thể sử dụng các báo cáo quản trị khác nhau tuy nhiên chúng đều tập trung vào việc phản ánh và cung cấp các thông tin cho mục tiêu quản lý doanh nghiệp.

Đối với nguyên vật liệu, báo cáo kế toán quản trị phản ánh chi tiết tình hình biến động nguyên vật liệu của doanh nghiệp theo từng loại, từng thứ để phục vụ yêu cầu quản trị kinh doanh. Báo cáo nguyên vật liệu thường được lập cho từng kho, từng đơn vị, từng bộ phận của doanh nghiệp và cho toàn doanh nghiệp.

Báo cáo kế toán cung cấp thông tin toàn diện, có hệ thống về tình hình sản xuất kinh doanh, kết quả kinh doanh cũng như tình hình sử dụng vốn của doanh nghiệp. Các báo cáo kế toán là cơ sở để cung cấp số liệu để tiến hành phân tích hoạt động kinh doanh, đánh giá hiệu quả kinh doanh, khai thác các tiềm năng của doanh nghiệp. Từ đó có được các phương án kinh doanh có hiệu quả. Vì vậy, báo cáo kế toán phải trung thực, chính xác, đảm bảo tính khách quan và tình hình thực tế của doanh nghiệp.

CHƯƠNG II

THỰC TẾ CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT XÔ

2.1 Khái quát hoạt động SXKD của công ty cổ phần Việt Xô

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty cổ phần Việt Xô

1-Tên công ty- trụ sở

Tên công ty : Công ty cổ phần Việt Xô

Tên giao dịch : *Vietxo joint stock company*

Tên viết tắt: Vietxoco

Trực thuộc : Công ty XNK Rau quả I Hà Nội

2-Trụ sở : Số I Bến Bính-Phường Minh Khai- Quận Hồng Bàng -Thành phố Hải Phòng.

ĐT : 031 3842 246; 031 3841 073

Fax : 031 3842 246

Nhà máy lạnh hữu nghị Việt Xô được xây dựng và đi vào sản xuất từ năm 1975. Nhiệm vụ chủ yếu là kho đông lạnh thực phẩm và làm mát rau quả phục vụ xuất khẩu của bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Công ty Cổ phần Việt Xô là một doanh nghiệp được hình thành từ việc cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước Nhà máy lạnh hữu nghị Việt Xô thuộc công ty XNK Rau quả I Hà Nội theo Quyết định số 3813/QĐ/BNN-TCCB của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn ngày 1/1/2003

Vốn điều lệ được các cổ đông đóng góp bằng tiền Việt Nam tại thời điểm hiện nay là 3.600.000.000đồng (ba tỷ sáu trăm triệu đồng).

Trong đó

Tài sản cố định : 1.072.671.056.

Tài sản lưu động: 2.527.328.944

Cơ cấu vốn theo sở hữu:

Vốn sở hữu thuộc công ty cổ phần XNK Rau quả 1 là 1.200.000.000 đồng chiếm 33,33%

Vốn sở hữu của các cổ đông là: 2.400.000.000 đồng, chiếm 66,67%

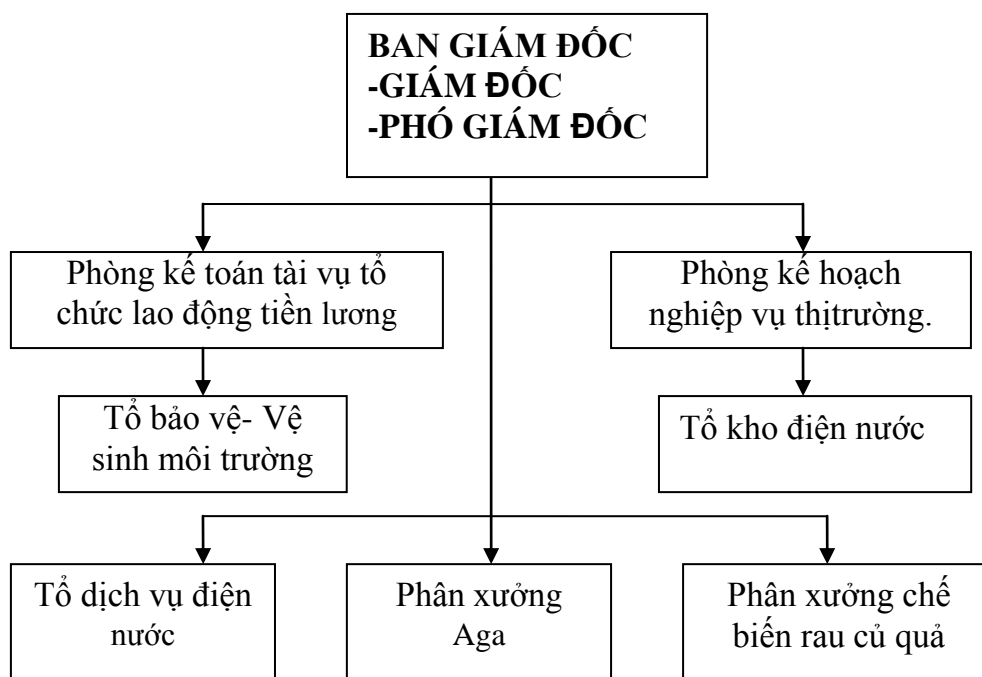
2.1.2. Đặc điểm tổ chức kinh doanh và quản lý công ty Cổ phần Việt Xô

Từ ngày chuyển sang công ty cổ phần Việt Xô đến nay công ty sản xuất kinh doanh các mặt hàng sau:

- Chế biến lương thực thực phẩm, nông sản, súc sản, lâm sản(trừ mặt hàng nhà nước cấm).
- Sản xuất nước uống có cồn và không có cồn.
- Kinh doanh nội địa và xuất nhập khẩu hàng hoá của doanh nghiệp sản xuất và chế biến hoặc phục vụ cho sản xuất và chế biến của doanh nghiệp.
- Kinh doanh kho lạnh kho mát, kho thường.
- Kinh doanh vận tải.
- Kinh doanh cho thuê văn phòng, nhà làm việc, nhà hàng khách sạn dịch vụ du lịch.
- Dịch vụ tiếp nhận hàng hóa qua kho cảng.
- Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa thiết bị lạnh.

*** Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty Cổ phần Việt Xô**

Sơ đồ 1.1: Bộ máy quản lý Công ty cổ phần Việt Xô



Nhiệm vụ của từng phòng ban

1. Ban giám đốc

Quản lý toàn bộ mọi hoạt động của công ty, soạn thảo công bố chính sách, chiến lược, chịu trách nhiệm cao nhất đối với chất lượng sản phẩm, phân công trách nhiệm quyền hạn cho các cán bộ lãnh đạo từ cấp trưởng phòng trở lên, sắp xếp, bố trí cán bộ, tổ chức sản xuất theo yêu cầu của hệ thống chất lượng. Tổ chức chỉ đạo, phê duyệt các báo cáo, hợp đồng tiêu thụ sản phẩm.

2. Phòng kế toán - tổ chức lao động - tiền lương.

- Tập hợp các chứng từ phát sinh để vào sổ kế toán kịp thời, chính xác đúng quy định hiện hành. Từ đó tham mưu cho giám đốc trong hoạt động kinh doanh của công ty, đảm bảo đúng chế độ.

- Quản lý công tác tài chính, theo dõi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty dưới hình thức tiền tệ, mua sắm vật tư, thiết bị, tập hợp các chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm, tình hình tiêu thụ sản phẩm, xác định kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Báo cáo quyết toán tài chính quý, năm trình giám đốc phê duyệt và báo cáo các cơ quan chức năng có liên quan.

- Thực hiện chi trả các khoản lương và các chính sách khác đến tay người lao động.

- Bảo vệ + an toàn lao động.

- Vệ sinh môi trường, cảnh quan.

3. Phòng kế hoạch - nghiệp vụ - thị trường.

- Có nhiệm vụ tìm kiếm thị trường tiêu thụ, tìm kiếm khách hàng, xây dựng các hồ sơ dự thầu, đấu thầu, lập kế hoạch tiêu thụ sản phẩm và các kế hoạch khác.

- Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh sản xuất kinh doanh dài hạn, ngắn hạn, trung hạn, ký kết các hợp đồng kinh tế, tổ chức theo dõi quá trình thi công trên các công trình.- Quản lý hệ thống kho tàng vật tư hàng hoá và sản phẩm của công ty, quản lý thiết bị sản xuất, mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

- Kinh doanh và phát triển thị trường.- Đề ra tiêu chuẩn về chất lượng sản phẩm, vệ sinh công nghiệp và PCCC.

- Xây dựng cơ bản.

4. Tổ dịch vụ điện nước

- Xây dựng kế hoạch chủ động tìm việc dịch vụ lắp đặt, sửa chữa cơ điện lạnh ngoài công ty và hỗ trợ cơ điện lạnh của công ty.

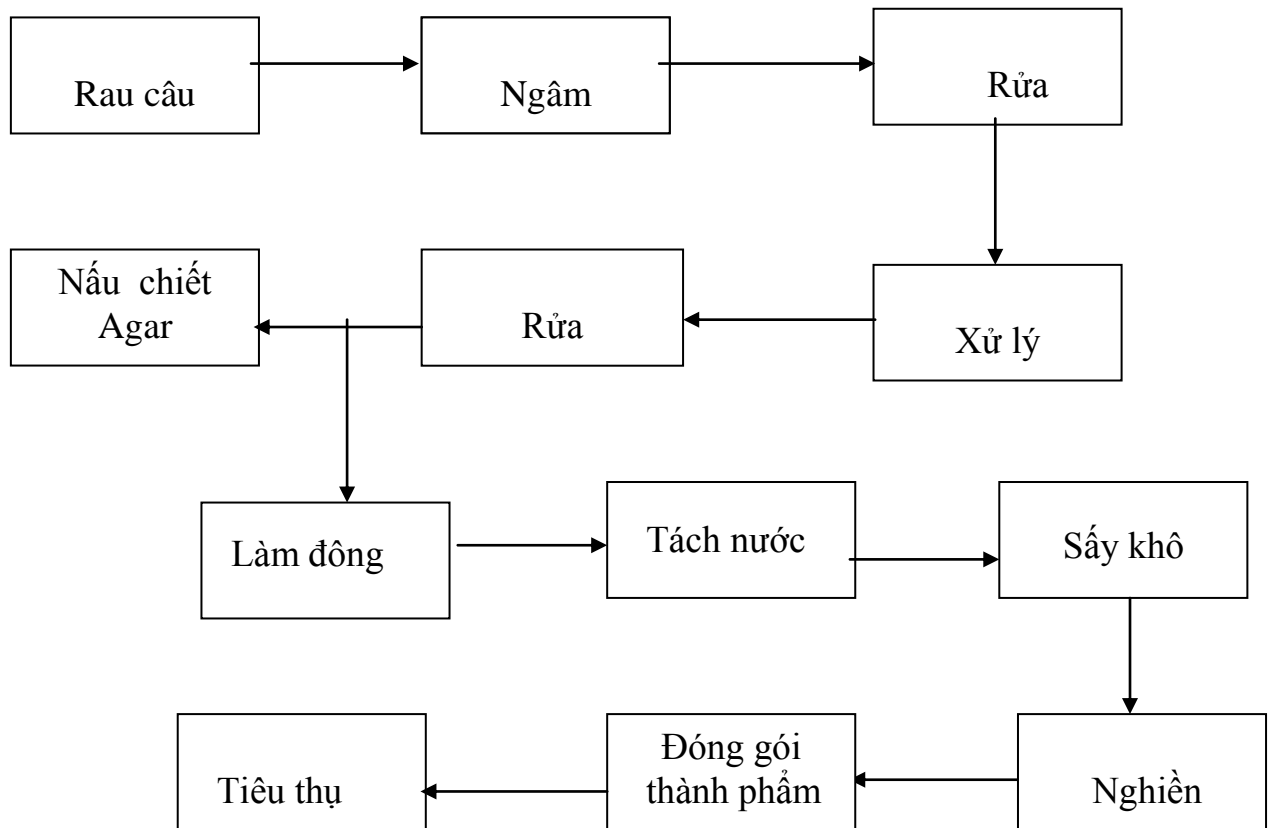
5. Phân xưởng Aga, phân xưởng chế biến rau củ quả.

- Lập kế hoạch sản xuất quý, năm của công ty.
- Hợp tác cùng các phòng quản lí chủ động nhân lực, vật tư, nguyên vật liệu, thị trường.
- Đảm bảo chất lượng sản phẩm , an toàn

2.1.3. Quy trình sản xuất sản phẩm chính của công ty cổ phần Việt Xô

Hiện nay, mặt hàng kinh doanh chủ yếu của công ty là Aga bột và dưa chuột bao tử dầm dấm đóng lọ.

Sơ đồ 1.2. Quy trình công nghệ sản xuất Agar



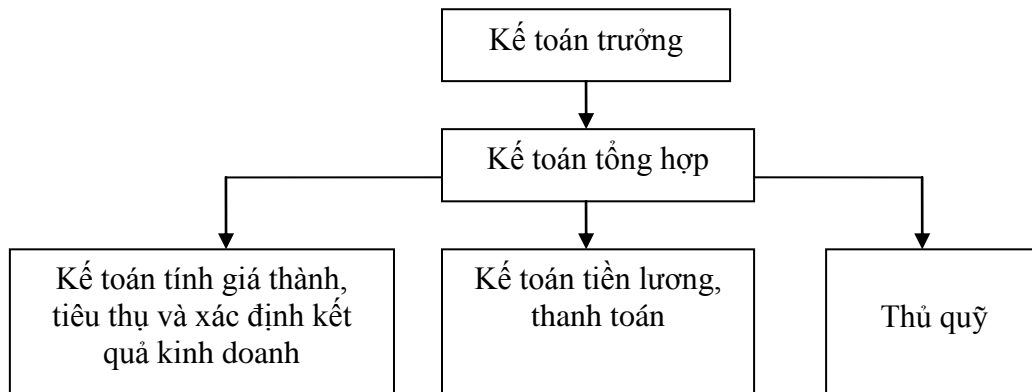
Thành phẩm khi nhập kho là đã được sự kiểm định chặt chẽ của cán bộ kỹ thuật phòng KCS. Phiếu kiểm định chất lượng hàng sẽ được lập trước khi cho nhập kho thành phẩm.

Khi khách hàng có nhu cầu mua agar, cán bộ vật tư sẽ tiến hành ghi phiếu xuất và phòng kế toán xuất hoá đơn GTGT. Các chứng từ kèm theo hàng hoá gồm phiếu xuất kho có đầy đủ chữ ký của các thành phần như thủ kho, người giao hàng, phụ trách cung tiêu, giám đốc, hoá đơn GTGT, phiếu kiểm định chất lượng. Sau khi hàng đã đến tay người mua lái xe sẽ phải thông báo với phòng kế toán để ghi vào chứng từ ghi sổ (Bảng số 7) Và đồng thời theo dõi tài khoản tiền gửi ngân hàng.

2.1.4.Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và công tác kế toán tại công ty cổ phần Việt Xô.

2.1.4.1.Đặc điểm bộ máy kế toán

Sơ đồ 1.3 : Bộ máy kế toán của công ty.



Bộ máy kế toán của công ty gồm có 4 người: 1 kế toán trưởng kiêm kế toán tổng hợp và 3 kế toán viên.

1. **Kế toán trưởng** (Trưởng phòng tài chính kế toán):

Là người điều hành bộ máy kế toán của công ty, chịu trách nhiệm trước giám đốc về kế toán tài chính của đơn vị, có nhiệm vụ hướng dẫn, kiểm tra công tác kế toán của từng nhân viên, duyệt các chứng từ mua bán, chứng từ thu chi phát sinh. Chỉ đạo tất cả các bộ phận kế toán về mặt nghiệp vụ từ việc chi chép ban đầu đến việc sử dụng sổ sách kế toán do bộ tài chính ban hành, quy định mối quan hệ phân công công tác trong bộ máy kế toán.

Tổng hợp các số liệu kế toán trên cơ sở sổ sách do kế toán viên cung cấp và tiến hành lập báo cáo quyết toán, trực tiếp thông báo, cung cấp thông tin nhằm tư vấn cho giám đốc Công ty về vấn đề tài chính, kế toán của công ty.

2. **Kế toán lương và thanh toán**

Căn cứ vào bảng chấm công của các phòng và căn cứ vào định mức hệ số lương của các cán bộ công nhân viên để tính toán tiền lương.

Thanh toán các khoản lương phụ cấp, cho cán bộ CNV, trích trả các khoản BHXH, BHYT, kinh phí công đoàn của công nhân theo chế độ.

3. **Kế toán tính giá thành tiêu thụ thành phẩm và xác định kết quả kinh doanh:**

Phản ánh nhập-xuất-tồn kho nguyên vật liệu, tập hợp các chi phí phát sinh trong kỳ tính toán phân bổ các chi phí hợp lý phục vụ cho tính giá thành sản phẩm. Dựa trên thông báo về bán hàng do nhân viên bán hàng gửi lên, kế toán tiến hành vào sổ và theo dõi trên sổ kế toán liên quan đến bán hàng. Theo dõi phản ánh chính xác kịp thời tình hình tiêu thụ thành phẩm, thực hiện đúng đủ các nghiệp vụ kế toán về tiêu thụ thành phẩm, lập báo cáo tiêu thụ, báo cáo kết quả kinh doanh.

4.Thủ quỹ:

Theo dõi phản ánh chính xác, đầy đủ kịp thời số kiệu có tình hình biến động quỹ tiền mặt tiền gửi ngân hàng.

Căn cứ vào các chứng từ gốc để vào sổ tiền mặt theo dõi thu chi phản ánh kịp thời, chính xác lượng tiền mặt hiện có trong công ty.

Nhiệm vụ cấp phát tiền cân đối quỹ.

2.1.4.2.. Hình thức kế toán áp dụng tại công ty Cổ phần Việt Xô.

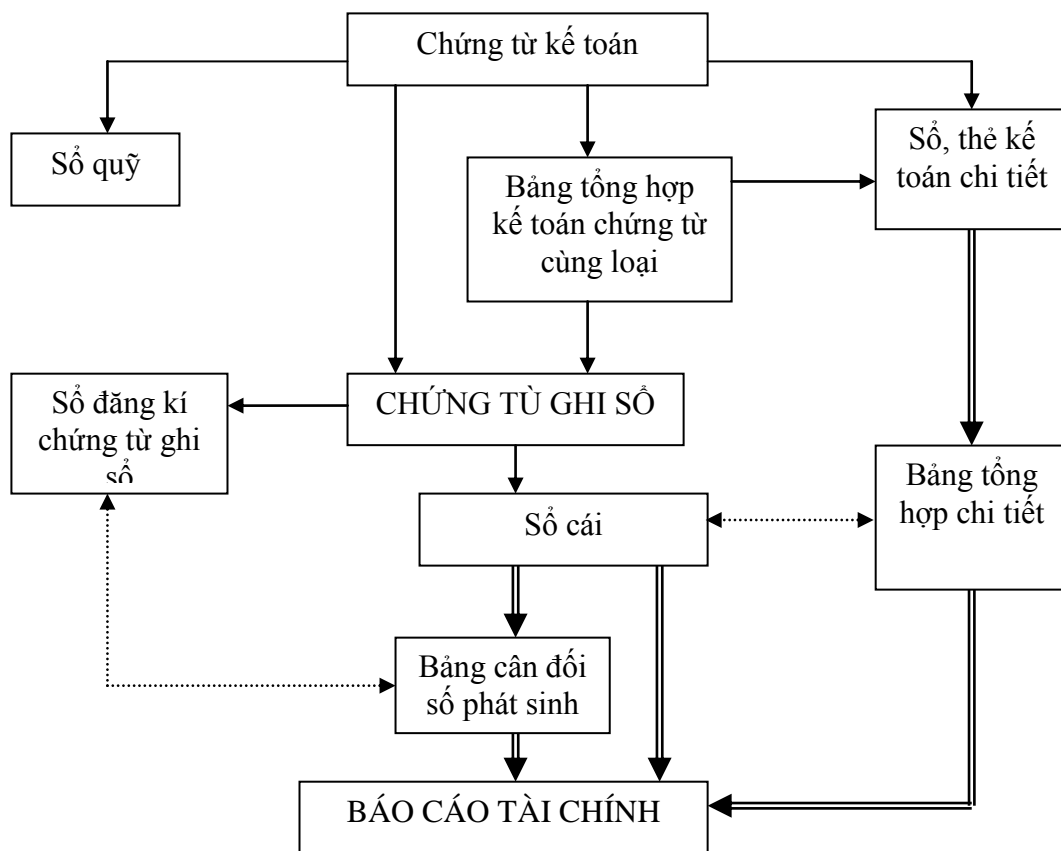
Để phù hợp với đặc điểm tổ chức kinh doanh của đơn vị mình công ty áp dụng:

- Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của bộ trưởng Bộ Tài chính
- Niên độ kế toán : bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 hằng năm.
- Hình thức sổ kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng : đồng Việt Nam.

Chứng từ kế toán sử dụng :

- Hợp đồng mua bán hàng hoá
- Phiếu nhập kho –Mẫu 01 VT
- Phiếu xuất kho – Mẫu 02 – VT
- Hoá đơn giá trị gia tăng(Mẫu số: 01GTKT-3LL).
- Hoá đơn bán hàng thông thường(Mẫu số 02GTTT-3LL)

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ - Ghi sổ



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày \longrightarrow
- Ghi cuối tháng \Longrightarrow
- Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

2.2. Tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Việt Xô

2.2.1 Đặc điểm phân loại và NVL và công tác quản lý NVL tại công ty cổ phần Việt Xô

2.2.1.1 Đặc điểm:

Do đặc điểm, tính chất và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của công ty với quy mô lớn. Để đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng nguyên vật liệu là yếu tố quan trọng ảnh hưởng tới chất lượng sản phẩm. Vì vậy công ty tìm kiếm những đối tác uy tín cung cấp nguyên vật liệu đầy đủ về số lượng, chất lượng, chủng loại để đảm bảo tiến độ sản xuất. Từ lúc nguyên vật liệu nhập vào kho đến khi xuất ra đều được thông qua kiểm kê định kì về mặt chất lượng cũng như số lượng. Công tác định mức tiêu hao nguyên vật liệu cho mỗi sản phẩm rất được chú trọng để tránh tình trạng lãng phí nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất.

Công ty cổ phần Việt Xô kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Đây là phương pháp phản ánh liên tục, kịp thời, chính xác tình hình nhập - xuất - tồn nguyên vật liệu. Để từ đó có thể phản ánh chính xác giá trị hàng tồn kho trên sổ sách kế toán.

Công ty tính giá nguyên vật liệu xuất kho theo phương pháp thực tế đích danh

- Phương pháp này được áp dụng đối với các loại vật liệu có giá trị cao và các loại vật tư đặc trưng. Phương pháp này sử dụng trong các doanh nghiệp có nhiều loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định có thể nhận diện được. Giá thực tế của vật liệu xuất kho được căn cứ vào đơn giá thực tế vật liệu nhập kho theo từng lô, từng lần nhập và số lượng xuất kho theo từng lần.

Ưu nhược điểm: Tạo thuận lợi trong việc tính toán giá thành vật liệu được chính xác, phản ánh được mối quan hệ cân đối giữa hiện vật và giá trị. Tuy nhiên phải theo dõi chi tiết giá vật liệu nhập kho theo từng lần nhập và giá vật liệu xuất kho sẽ không sát với giá thực tế của thị trường tại thời điểm đó

2.2.1.2 Phân loại nguyên vật liệu

Để quản lý chặt chẽ nguyên vật liệu và hạch toán chính xác vật liệu được dễ dàng và không tốn nhiều công sức, công ty đã tiến hành phân loại nguyên vật liệu dựa theo công dụng của chúng như sau:

- Vật liệu chính gồm: dưa chuột, rau câu, ngô....
- Vật liệu phụ gồm: javen, xút vẩy.....

2.2.1.3 Công tác quản lý nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Việt Xô

Do tính chất phức tạp, phong phú và đa dạng của nguyên vật liệu tại công ty mà công ty cổ phần Việt Xô rất coi trọng việc quản lý nguyên vật liệu để có thể theo dõi, kiểm tra, hạch toán chính xác số lượng và chất lượng nguyên vật liệu trong kỳ. Công ty đã quản lý nguyên vật liệu như sau:

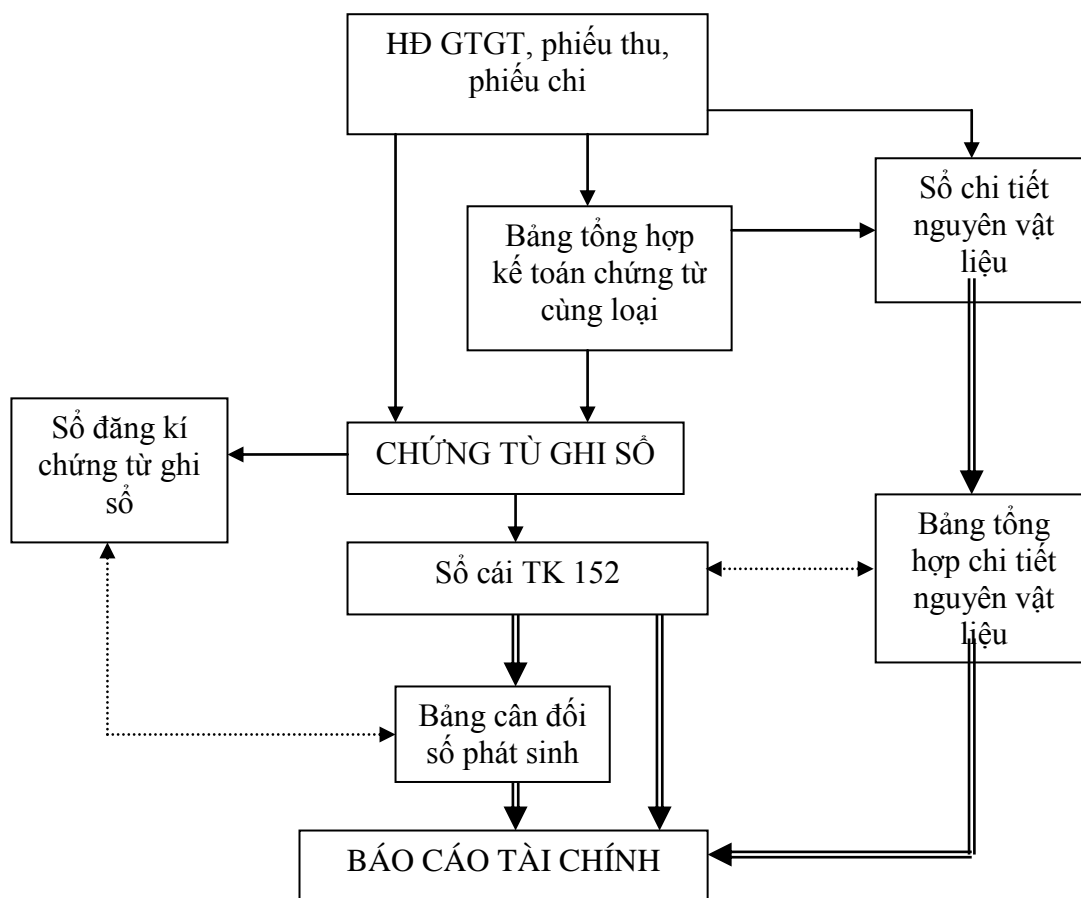
- Hệ thống kho vật tư của công ty được bảo quản ở nhiều kho phù hợp với công dụng của từng loại vật tư
- Công ty đã xây dựng được mức tiêu hao hợp lý tránh lãng phí
- Công ty đã giao trách nhiệm cho thủ kho. Thủ kho phải có trách nhiệm quản lý vật tư về mặt số lượng và tình hình biến động của từng loại vật tư
- Kế toán chi tiết nguyên vật liệu phải thực hiện theo từng kho, từng loại, từng nhóm, thứ nguyên vật liệu. Có thể mở nhiều cấp của tài khoản để phản ánh chi tiết ở các mức độ cụ thể khác nhau.

2.2.2 Quy trình hạch toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Việt Xô

Quy trình hạch toán hàng tồn kho tại công ty cổ phần Việt Xô được mô tả như sau:

- Hàng ngày căn cứ vào HĐGTGT, phiếu nhập, phiếu xuất kho kế toán lập chứng từ ghi sổ, sổ chi tiết nguyên vật liệu.
- Căn cứ vào chứng từ ghi sổ, kế toán vào sổ cái TK 152, căn cứ sổ chi tiết lập bảng tổng hợp chi tiết nguyên vật liệu
- Cuối kì tổng hợp số liệu vào báo cáo tài chính

Quy trình hạch toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Việt Xô



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng \Longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

2.2.3 Tính giá nguyên vật liệu

Để đáp ứng nhu cầu công tác quản lý và hạch toán nguyên vật liệu nhằm đảm bảo yêu cầu chân thực thống nhất của số liệu kế toán một cách thuận tiện, công ty cổ phần Việt Xô sử dụng giá thực tế để hạch toán nguyên vật liệu nhập kho và dùng phương pháp tính giá thực tế đích danh để phản ánh trị giá nguyên vật liệu xuất kho

2.2.3.1 Tính giá thực tế nguyên vật liệu nhập kho

Nguyên vật liệu của công ty được nhập kho chủ yếu là do mua ngoài. Về nguyên tắc đánh giá vật liệu nhập kho là phải theo đúng giá thực tế. Giá này được xác định theo từng nguồn nhập vật liệu tức là kế toán phải phản ánh đầy đủ chi phí thực tế công ty bỏ ra để có được vật liệu đó. Khi tổ chức kế toán vật tư, do yêu cầu phản ánh chính xác giá trị nguyên vật liệu nên khi nhập kho công ty đã sử dụng giá thực tế.

Trị giá thực tế nguyên vật liệu mua ngoài bao gồm: Giá mua ghi trên hóa đơn, thuế nhập khẩu phải nộp, thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu phải nộp (nếu có) và các chi phí thu mua thực tế phát sinh (chi phí vận chuyển, bốc dỡ, chi phí bao bì, chi phí của bộ phận thu mua độc lập, chi phí thuê kho bãi, tiền lấp đặt, bảo quản...), số hao hụt tự nhiên trong định mức(nếu có)

- Đối với phế liệu thu hồi nhập kho là các sản phẩm hỏng, giá thực tế nhập kho là giá trị thực tế có thể sử dụng được, giá có thể bán hoặc ước tính.

- Đối với nguyên vật liệu thừa nhập lại kho: trị giá thực tế nhập kho tính theo công thức: Đơn giá xuất kho x Số lượng nguyên vật liệu nhập lại kho

- Công ty áp dụng thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ nên giá mua thực tế là giá chưa có thuế GTGT, thuế GTGT đầu vào khi mua nguyên vật liệu và thuế GTGT đầu vào của dịch vụ vận chuyển, bốc xếp, bảo quản... được khấu trừ và hạch toán vào TK 133 “ Thuế GTGT được khấu trừ”.

Ví dụ: Theo hóa đơn GTGT số 0081789 ngày 15/10/2010 công ty cổ phần Việt Xô đã mua 4920 kg javen trị giá 6.642.000 đ chưa bao gồm thuế GTGT 10%, hàng được giao tận kho của công ty, chi phí vận chuyển đã tính vào giá mua. Như vậy, giá thực tế nhập kho của vật tư này là 6.642.000 đ.

Biểu 2.2.1

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 2: (Giao cho khách hàng)

Ngày 15 tháng 10 năm 2010

Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần hóa chất Phú Tuấn

Địa chỉ

Số tài khoản

Điện thoại

Họ tên người mua hàng: Nguyễn Quốc Thành

Tên đơn vị: Công ty cổ phần Việt Xô

Địa chỉ:

Số Tài Khoản:

Hình thức thanh toán:

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số Lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=2*1
1	Javen	kg	4920	1350	6.642.000

Cộng tiền hàng: 6.642.000

Thuế suất: 10%

Tiền thuế GTGT: 664.200

Tổng cộng tiền thanh toán: 7.306.200

Số tiền viết bằng chữ: Bảy triệu ba trăm lẻ sáu ngàn hai trăm đồng chẵn.

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

2.2.3.2 Tính giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho

Công ty tính giá nguyên vật liệu xuất kho theo phương pháp thực tế đích danh

- Phương pháp này được áp dụng đối với các loại vật liệu có giá trị cao và các loại vật tư đặc trưng. Phương pháp này sử dụng trong các doanh nghiệp có nhiều loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định có thể nhận diện được. Giá thực tế của vật liệu xuất kho được căn cứ vào đơn giá thực tế vật liệu nhập kho theo từng lô, từng lần nhập và số lượng xuất kho theo từng lần.

2.2.4. Chứng từ kế toán sử dụng trong công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Việt Xô

- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho
- Hoá đơn giá trị gia tăng
- Các chứng từ khác có liên quan

* **Quy trình luân chuyển phiếu nhập kho:** Khi có đầy đủ căn cứ nhập kho, kế toán viết phiếu nhập kho và ghi vào ô người lập rồi chuyển cho thủ kho. Thủ kho cho nhập hàng vào kho, ghi số lượng thực nhập và kí vào chỗ thủ kho, người giao hàng kí vào phiếu nhập kho.

Phiếu nhập kho được lập thành 3 liên:

- + Liên 1: Lưu cuống
- + Liên 2: Đưa cho người giao hàng
- + Liên 3: Giao cho phòng kế toán để ghi sổ sách kế toán

* **Quy trình luân chuyển phiếu xuất kho:** khi có lệnh xuất kho, kế toán lập phiếu xuất kho rồi đưa cho thủ kho. Thủ kho cho xuất kho và ghi số thực xuất, kí vào ô thủ kho. Người nhận hàng kí vào phiếu xuất kho.

Phiếu xuất kho được lập thành 3 liên:

- + Liên 1: Lưu cuống
- + Liên 2: Đưa cho người nhận hàng
- + Liên 3: Đưa cho phòng kế toán để ghi sổ sách kế toán

2.2.5 Thủ tục nhập kho và xuất kho trong công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Việt Xô

2.2.5.1 Thủ tục nhập kho nguyên vật liệu

- Trước hết, tại đơn vị (Phân xưởng sản xuất, phòng ban) lập tờ trình xin mua vật tư nguyên vật liệu. Phòng kinh doanh trình lên giám đốc ký duyệt. Khi được giám đốc ký duyệt thì phòng kinh doanh xin phiếu báo giá ở một số bạn hàng và trình lên giám đốc duyệt giá. Sau khi giám đốc duyệt mức giá phù hợp , phòng kinh doanh sẽ trực tiếp chịu trách nhiệm về việc ký hợp đồng mua bán.

- Người đi nhận hàng mang hóa đơn GTGT của bên bán vật tư về xem xét kiểm tra.

- Nguyên vật liệu sau khi mua về được tiến hành kiểm nghiệm chất lượng và lập biên bản kiểm nghiệm với mục đích xác định số lượng, chất lượng trước khi nhập kho làm căn cứ để quy trách nhiệm trong thanh toán và bảo quản.

- Sau khi tiến hành kiểm nghiệm vật liệu , thủ kho xem xét cụ thể số lượng , chủng loại , chất lượng của vật tư ghi trong hóa đơn với số mang về, nếu trùng khớp thì phòng vật tư lập phiếu nhập kho, phiếu nhập kho được lập thành 3 liên:

+ Một liên: Lưu tại phòng vật tư

+ Một liên : Chuyển sang phòng kế toán tài chính

+ Một liên: Giao cho thủ kho

2.2.5.2 Thủ tục xuất kho nguyên vật liệu

Các loại chứng từ sử dụng: Là các chứng từ gốc phản ánh mục đích xuất kho bao gồm:

- Phiếu xin lĩnh vật tư

- Phiếu xuất kho

- Phiếu xuất vật tư theo hạn mức

Vật liệu trong doanh nghiệp giảm chủ yếu do xuất sử dụng cho sản xuất kinh doanh

Căn cứ vào phiếu lĩnh vật tư theo định mức (đối với những trường hợp vật liệu sử dụng thường xuyên ổn định) và phiếu lĩnh vật tư không định mức (đối với vật tư không sử dụng thường xuyên) , phòng kế hoạch căn cứ vào kế hoạch sản xuất và

định mức sử dụng nguyên vật liệu. Đồng thời giao cho các phân xưởng khi xuất kho, thủ kho phải căn cứ vào các loại phiếu lĩnh vật tư (trên phiếu lĩnh vật tư có ghi rõ tên đơn vị sử dụng, tên vật liệu, số lượng lĩnh và có đầy đủ chữ ký của người có trách nhiệm) và cùng với người nhận vật tư phải kiểm tra và ký xác nhận.

Hàng ngày phân xưởng lên kế hoạch lĩnh vật tư được xét duyệt của phòng kế hoạch sản xuất kinh doanh , sau đó căn cứ vào phiếu lĩnh vật tư , kế toán sẽ viết phiếu xuất kho cho người lĩnh vật tư xuống lĩnh. Thủ kho căn cứ vào phiếu xuất kho và thực lĩnh ghi số lượng thực lĩnh vào thẻ kho. Phiếu xuất vật tư được lập thành 3 liên:

- Liên 1: phòng kế toán lưu
- Liên 2: Thủ kho sử dụng để ghi
- Liên 3: Giao cho người lĩnh vật tư

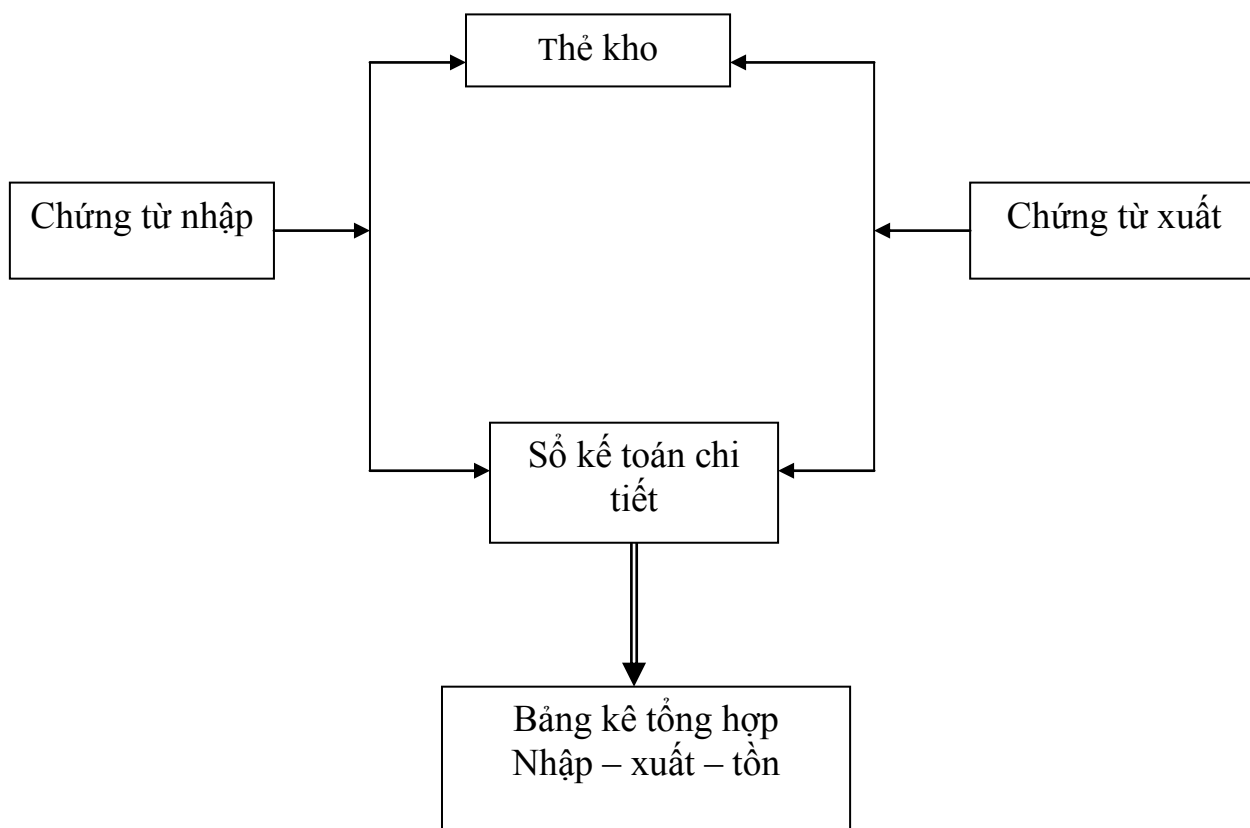
2.2.6 Tổ chức kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Việt Xô

Quy trình hạch nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Việt Xô được mô tả như sau:

- Hàng ngày căn cứ vào HĐGTGT , phiếu nhập, phiếu xuất kho kế toán lập chứng từ ghi sổ , sổ chi tiết nguyên vật liệu
- Căn cứ vào chứng từ ghi sổ ,kế toán vào sổ cái nguyên vật liệu, căn cứ sổ chi tiết lập bảng tổng hợp chi tiết nguyên vật liệu
- Cuối kì tổng hợp số liệu vào báo cáo tài chính

Quy trình hạch toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Việt Xô

Kế toán chi tiết ở công ty cổ phần Việt Xô sử dụng theo phương pháp thẻ song song để quản lý tình hình biến động nguyên vật liệu



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng \Longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

Ví dụ 4: Ngày 6/10/2010 mua 5.000 kg xút vảy

- Sau khi kiểm tra số lượng, chủng loại, chất lượng... Kế toán căn cứ vào HĐ GTGT viết phiếu nhập kho số 145
- Từ phiếu nhập kho, kế toán ghi sổ chi tiết và chứng từ ghi sổ
- Từ chứng từ ghi sổ, kế toán vào sổ cái
- Từ sổ chi tiết, kế toán phản ánh vào bảng tổng hợp chi tiết
- Cuối kì tổng hợp vào BCTC

Biểu 2.2.2

SỔ CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU

Tháng 10/2010

Tài khoản : 152

Tên vật liệu : Xút vảy

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
Số hiệu	Ngày tháng				SL	TT	SL	TT	SL	TT
		Số dư đầu kì		11.500					728	8.372.000
		Số phát sinh								
PN 145	06/10	Mua xút vảy nhập kho	131	11.500	5.000	57.500.000			5.728	65.875.000
...
PX 246	15/10	Xuất xút vảy để chế biến	621	12.000			602	8.372.000	120	1.440.000
...
		Cộng			110.000	157.250.000	100.416	128.529.200		
		Số dư CK							1.850	16.120.500

Biểu 2.2.3

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU

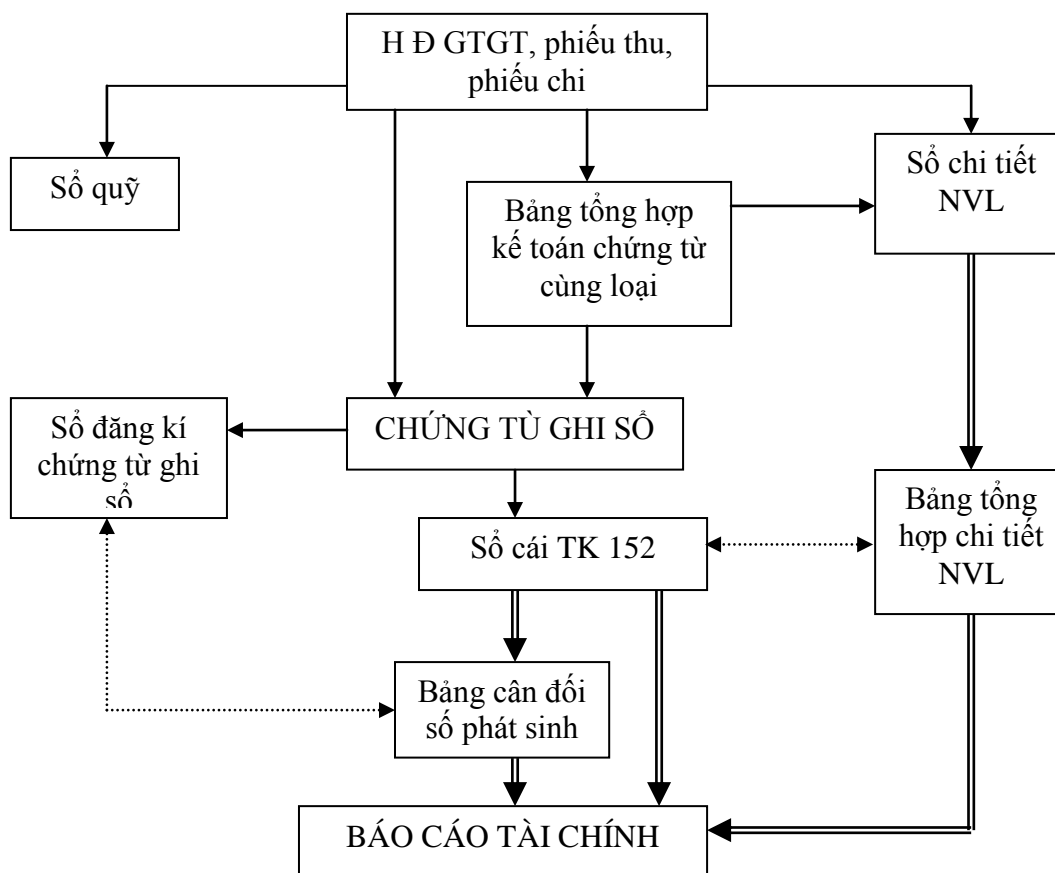
Tài khoản: 152

Tháng 10/2010

STT	Tên quy cách nguyên vật liệu	Số tiền			
		Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
1	Nước javen	4.050.000	183.600.000	168.529.200	19.120.800
2	Xút vẩy	8.372.000	157.250.000	128.529.000	16.120.500
...
	Cộng	411.121.959	589.235.000	685.798.000	314.558.959

2.2.7 Kế toán tổng hợp ở công ty cổ phần Việt Xô

Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Việt Xô thực hiện theo sơ đồ sau



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng
- ←-----> Quan hệ đối chiếu

Biểu 2.2.4

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 2: (Giao cho khách hàng)

Ngày 06 tháng 10 năm 2010

Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần hóa chất Phú Tuấn

Địa chỉ

Số tài khoản

Điện thoại

Họ tên người mua hàng: Nguyễn Quốc Thành

Tên đơn vị: Công ty cổ phần Việt Xô

Địa chỉ:

Số Tài Khoản:

Hình thức thanh toán:

STT	Tên hàng hoá,dịch vụ	Đơn vị tính	Số Lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=2*1
1	Xút vảy 99%	kg	5.000	11.500	57.500.000

Cộng tiền hàng: 57.500.000

Thuế suất: 10%

Tiền thuế GTGT: 5.750.000

Tổng cộng tiền thanh toán: 63.250.000

Số tiền viết bằng chữ: Sáu mươi ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng chẵn

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

Biểu 2.2.5

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 06 tháng 10 năm 2010

Số:145

Họ và tên người giao hàng: Nguyễn Quốc Thành

Theo HDGTGT số:

Nhập tại kho: Kho 1

ST T	Tên nhãn hiệu quy cách phẩm chất vật tư(Sản phẩm, hàng hoá)	Mã số	Đơn vị tính	SỐ LƯỢNG		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Xút vảy 99%	X	kg	5.000	5.000	11.500	57.500.000

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Năm mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng chẵn

Phụ trách cung tiêu

Người giao hàng

Thủ kho

Biểu 2.2.6

Chứng từ ghi sổ

Số:..06/10....

Ngày 31.tháng 10.năm 2010

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Mua nước xút vẩy nhập kho	152	331	57.500.000	
Thuế GTGT được khấu trừ	133	331	5.750.000	
Mua bột trợ lọc nhập kho	152	331	3.000.000	
...
Cộng			589.235.000	

Biểu 2.2.7

Chứng từ ghi sổ

Số:..07/10....

Ngày 31.tháng 10.năm 2010

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Xuất xút vẩy sx	621	152	7.2 24.000	
...
Cộng			685.798.000	

Biểu 2.2.8

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 152

T10/2010

Tên tài khoản: Nguyên vật liệu

Số hiệu: ...152...

Ngày tháng ghi số	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	SH tài khoản đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kì		411.121.959	
			Số phát sinh trong kì			
31/10	06/10	31/10	Mua nước xút vẩy nhập kho	131	57.500.000	
			Mua bột trợ lọc nhập kho	131	3.000.000	
...
31/10	07/10	31/10	Xuất xút vẩy sx	621		7.224.000
...
			Cộng số ps		589.235.000	685.798.000
			Số dư cuối kì		314.558.959	

CHƯƠNG III

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT XÔ

3.1 Đánh giá chung công tác hạch toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Việt Xô

3.1.1 Nhận xét chung

Những biến động của nền kinh tế thị trường ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Do đó, bên cạnh những thuận lợi công ty cũng phải đương đầu không ít những khó khăn từ các yếu tố khách quan cũng như chủ quan mang lại. Mặc dù vậy, với tiềm năng sẵn có cùng với sự lãnh đạo của ban giám đốc công ty, sự năng động sáng tạo, nhiệt tình của toàn thể công nhân viên, công ty đã đạt được một số thành tựu trong kinh doanh và ngày càng được khách hàng tín nhiệm.

3.1.2 Những thành tựu đạt được

Trải qua hơn 20 năm hoạt động, công ty đã xuất khẩu được hàng hóa trong nước và các quốc gia danh tiếng trên thế giới như : Liên Bang Nga, Đức, Hy Lạp, Hàn Quốc....đạt chất lượng cao. Công ty là một trong những đơn vị đi đầu trong lĩnh vực chế biến đòi hỏi kỹ thuật cao.

Những năm gần đây, công ty bắt đầu nhận được những hợp đồng với trị giá lớn của các doanh nghiệp trong nước cũng như trên thế giới.

Sản lượng và doanh thu năm 2006 của công ty cao hơn 10 lần so với năm 2000. Năm 2007 công ty phấn đấu giá trị tổng sản lượng đạt 200 tỷ đồng, doanh thu trên 300 tỷ đồng....Cho đến năm 2010 thì doanh thu của công ty đạt mức 450 tỷ đồng

Qua thời gian thực tập tại công ty cổ phần Việt Xô, được sự hướng dẫn của thầy cô giáo cùng với sự giúp đỡ tạo điều kiện của ban giám đốc đặc biệt là các cô chú phòng Tài chính – kế toán đã giúp em có được thêm kiến thức thực tế, bổ sung những kiến thức tiếp thu được trên giảng đường, có cách nhìn đầy đủ, chính

xác hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung và công tác tổ chức hạch toán kế toán nói riêng. Qua tìm hiểu em có những nhận xét như sau:

3.1.2.1 Ưu điểm

Cùng với sự phát triển của công ty , tập thể ban lãnh đạo cũng không ngừng nâng cao chất lượng của công tác quản lý như: áp dụng khoa học kỹ thuật nhằm nâng cao hiệu quả công việc, tiết kiệm thời gian, đem lại lợi ích tối đa cho công ty, góp phần nâng cao đời sống cho cán bộ công nhân toàn công ty và đóng góp 1 phần không nhỏ vào công cuộc xây dựng đất nước.

- **Về bộ máy kế toán nói chung**

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức gọn nhẹ, hoạt động có hiệu quả, thực hiện theo đúng chế độ kế toán hiện hành. Trong phòng tài chính – kế toán các nhân viên kế toán có trình độ, có kinh nghiệm lâu năm, nhiệt tình trong công tác cũng như nhạy bén trong việc xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và tổng hợp thông tin kế toán. Mỗi kế toán viên được phân công nhiệm vụ cụ thể với từng phần hành một cách hợp lý. Các kế toán viên phải chịu trách nhiệm trước kế toán trưởng về phần hành của mình, đảm bảo cung cấp thông tin kế toán nhanh chóng, kịp thời, chính xác cho đối tượng sử dụng. Điều này giúp cho công tác quản lý của công ty nói chung và công tác kế toán nói riêng đã không ngừng củng cố và lớn mạnh.

Hơn thế nữa, một yếu tố khác không kém phần quan trọng là trang thiết bị phục vụ cho công tác kế toán khá đầy đủ và hiện đại. mỗi một nhân viên kế toán được trang bị máy vi tính có nối mạng để dễ chia sẻ và tổng hợp số liệu.

- **Về công tác quản lý thu mua nguyên vật liệu**

Vấn đề quản lý chặt chẽ các yếu tố đầu vào là yếu tố sống còn đối với mỗi doanh nghiệp , đặc biệt đối với doanh nghiệp như công ty cổ phần Việt Xô, bởi nó có ảnh hưởng đến lợi nhuận của công ty, đến sự tồn tại của công ty trong việc cạnh tranh gay gắt với các doanh nghiệp khác trong nền kinh tế thị trường hiện đại. Do vậy, việc quản trị doanh nghiệp nói chung và công tác kế toán nói riêng đặc biệt là công tác kế toán nguyên vật liệu luôn được các nhà quản lý quan tâm. Nguyên vật liệu được quản lý chặt chẽ từ khâu thu mua , vận chuyển và xuất nguyên vật liệu

luôn được đảm bảo về chất lượng, số lượng, đáp ứng ngay khi có yêu cầu, góp phần đảm bảo tiến độ theo hợp đồng, công ty có hệ thống nhiều kho để đảm bảo lưu trữ nguyên vật liệu.

- **Về chứng từ sổ sách kế toán áp dụng**

- + **Chứng từ kế toán**

Các chứng từ được sử dụng trong quá trình hạch toán đều phải phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ. Các chứng từ sử dụng theo đúng mẫu của bộ tài chính ban hành, thông tin ghi chép đầy đủ, chính xác với nghiệp vụ phát sinh. Các chứng từ được kế toán tổng hợp và lưu trữ, bảo quản cẩn thận. Quá trình luân chuyển chứng từ một cách hợp lý. Chứng từ từ khâu mua hàng, bán hàng sang phòng kế toán được thực hiện một cách khẩn trương liên tục.

- + **Về hệ thống tài khoản sử dụng**

Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo quy định của bộ tài chính, chuẩn mực kế toán mới nhất trên cả nước. Vận dụng linh hoạt chế độ sổ sách kế toán, mở tài khoản cấp hai của các tài khoản để phục vụ thông tin một cách chính xác và nhanh nhất.

- + **Về tổ chức sổ sách kế toán**

Hình thức chứng từ ghi sổ phù hợp với doanh nghiệp có quy mô sản xuất kinh doanh như công ty cổ phần Việt Xô, đặc điểm sản xuất kinh doanh đa dạng, số lượng chứng từ sổ sách theo dõi cũng khá nhiều.

Các chứng từ kế toán sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với nội dung kinh tế phát sinh. Hầu hết các chứng từ sử dụng đều theo đúng mẫu của bộ tài chính mới ban hành theo quyết định 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/3/2006 của bộ tài chính với đầy đủ các yếu tố cần thiết. Các chứng từ được phân loại rõ ràng theo hệ thống, việc luân chuyển chứng từ được tiến hành một cách nhanh chóng, kịp thời

- **Về phương thức thanh toán**

Do hoạt động của công ty là chế biến và xuất khẩu, công ty đã sử dụng hình thức thanh toán là chuyển khoản. Hình thức này giúp cho việc thanh toán được tiến hành dễ dàng, tránh được những nhầm lẫn sai sót hư hình thức thanh toán bằng tiền

mặt. Bên cạnh đó, công ty cũng dùng hình thức thanh toán trả chậm đối với những khách hàng quen, để giúp việc luân chuyển tiền được dễ dàng.

- **Về tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu**

+ Công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán nguyên vật liệu. Phương pháp này có nhiều ưu điểm vì hàng tồn kho, đặc biệt là nguyên vật liệu luôn được theo dõi, kiểm tra thường xuyên liên tục, kịp thời phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty.

Phương pháp này chính xác, kịp thời là một lựa chọn đúng đắn của công ty

+ Việc xác định mức tiêu hao nguyên vật liệu tại công ty được tính toán chi tiết cụ thể cho từng loại nguyên vật liệu, nên việc cung cấp nguyên vật liệu cho từng lần sản xuất nhanh chóng khi có yêu cầu

- Để hạch toán chi tiết nguyên vật liệu công ty áp dụng phương pháp thẻ song song phù hợp với đặc điểm nguyên vật liệu phong phú, đa dạng. Kế toán nguyên vật liệu có thể theo dõi chặt chẽ tình hình nhập xuất tồn nguyên vật liệu, việc quản lý nguyên vật liệu của công ty đạt hiệu quả cao

Tóm lại, việc hạch toán nguyên vật liệu của công ty đã đạt được những thành tựu nhất định trong việc phản ánh, giám sát tình hình hoạt động của công ty cũng như tình hình nguyên vật liệu phục vụ cho chế biến và xuất khẩu tại các phân xưởng giúp cho các nhà quản trị đưa ra được các quyết định đúng đắn góp phần quan trọng vào việc đảm bảo hoạt động kinh doanh đồng thời đảm bảo tối đa hóa lợi nhuận cho công ty

3.1.2.2 Hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm, kế toán còn tồn tại những hạn chế chưa phù hợp với chế độ chung, chưa thực sự khoa học, cần thiết phải phân tích, làm sáng tỏ, từ đó có những biện pháp thiết thực nhằm cung cấp hoàn thiện hơn nữa giúp cho việc cung cấp thông tin được đầy đủ, giúp cho ban lãnh đạo đưa ra được những quyết định cụ thể về hoạt động quản lý và sử dụng nguyên vật liệu. Cụ thể:

- **Kế toán tài chính**

- + **Tổ chức bộ máy kế toán**

Bộ máy kế toán của công ty phù hợp với quy mô sản xuất kinh doanh của công ty, do khối lượng sổ sách nhiều lại làm kế toán excel trên máy vi tính nên cuối quý hay mỗi kỳ kế toán, nhiệm vụ của kế toán tổng hợp là khá nhiều, vì hoàn thành đúng tiến độ nên dễ dẫn tới sai sót.

- + **Về hình thức kế toán**

Hình thức sổ kế toán mà công ty đang áp dụng là Chứng từ ghi sổ có ưu điểm là đầy đủ, chi tiết. Mặc dù vậy, trong quá trình ghi chép sổ sách thì hình thức sổ Chứng từ ghi sổ có số lượng sổ sách nhiều gây tốn thời gian, khâu đối chiếu số liệu sổ sách cần phải cẩn thận và thận trọng. Việc lưu trữ và kiểm soát chứng từ gặp phải nhiều khó khăn.

Kế toán làm trên máy nhưng không sử dụng phần mềm kế toán, do vậy mất khá nhiều thời gian, đôi khi có thể dẫn tới sai lệch nhầm lẫn về số liệu.

- + **Về việc luân chuyển chứng từ**

Việc luân chuyển chứng từ giữa các phòng vật tư, thủ kho, phòng tài chính – kế toán diễn ra thường xuyên. Tuy nhiên, giữa các bộ phận phòng ban này không có biên bản giao nhận, rất dễ xảy ra tình hình mất mát chứng từ. Khi bị mất chứng từ thì không biết quy trách nhiệm cho ai để xử lý. Công ty có thể lập sổ giao nhận chứng từ theo biểu số 3.1

Biểu 3.1

SỔ GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

Ngày...Tháng...năm...

STT	Chứng từ		Nội dung	Nơi nhận CT	Người nhận	Ký tên
	Ngày	Số				

+ Kế toán chi tiết nguyên vật liệu

- Công ty không mở sổ chi tiết nguyên vật liệu cho từng loại nguyên vật liệu theo đúng mẫu số S10- DN theo quyết định số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/3/2006 của bộ tài chính, mà sổ chi tiết nguyên vật liệu ghi chung cho tất cả các nguyên vật liệu theo từng kho. Do vậy, cuối tháng việc ghi chép, tổng hợp số liệu nhập, xuất tồn của từng loại nguyên vật liệu lên sổ đối chiếu sẽ gặp rất nhiều khó khăn.

Biểu số 3.2: Mẫu sổ chi tiết vật liệu, công cụ, dụng cụ S10 – DN theo quyết định số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/3/2006 của bộ tài chính

SỔ CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU

Năm ...

Tài khoản : ...

Tên, quy cách nguyên vật liệu:

Đơn vị tính: ...

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	ĐG	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
SH	NT				SL	TT	SL	TT	SL	TT	
A	B	C	D	1	2	3=2*1	4	5=4*1	6	7=6*1	8
		Số dư đầu kì									
		Số phát sinh									
										
		Cộng phát sinh									
		Số dư cuối kì									

*** Kế toán quản trị**

+ Trong công tác quản lý và sử dụng nguyên vật liệu

Công ty vẫn chưa xây dựng được định mức dự trữ nguyên vật liệu thường dùng để đảm bảo cho hoạt động chế biến không bị ngừng trệ.

3.2 Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác hạch toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Việt Xô

3.2.1 Nguyên tắc hoàn thiện

Việc hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại công ty đặc biệt chú ý đến các nguyên tắc sau:

+ Nguyên tắc nhất quán: Nguyên tắc này yêu cầu kế toán đã chọn phương pháp nào để hạch toán nguyên vật liệu thì phải áp dụng phương pháp đó trong cả niên độ kế toán

+ Nguyên tắc giá gốc: Quy định nguyên vật liệu phải được tính theo giá gốc

+ Nguyên tắc thận trọng: Nguyên tắc này đòi hỏi muốn hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu cần thận trọng trong từng bước

3.2.2 Yêu cầu hoàn thiện

Hoàn thiện kế toán trong công ty là việc hết sức quan trọng và cần thiết để đảm bảo cho việc hoàn thiện mang tính khả thi, đáp ứng được các yêu cầu quản lý của công ty phải thực hiện các yêu cầu sau:

- Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu phải đảm bảo sự phù hợp với các nguyên tắc kế toán chung

- Phải đảm bảo tôn trọng cơ chế tài chính, tuân thủ các chế độ chính sách, thể lệ kế toán do nhà nước ban hành với chế độ kế toán đặc thù của ngành sản xuất kinh doanh

- Đảm bảo sự tiết kiệm và hiệu quả trong việc tổ chức công tác kế toán ở doanh nghiệp. Muốn vậy, phải tổ chức công tác kế toán khoa học, hợp lý, tiết kiệm nhưng vẫn đảm bảo thực hiện tốt các chức năng nhiệm vụ của kế toán để chất lượng công tác kế toán đạt được chất lượng cao nhất với chi phí thấp nhất

- Đảm bảo thực hiện tốt chức năng thông tin cho nhà quản trị doanh nghiệp bởi vì mục tiêu của công tác hoàn thiện kế toán là cung cấp thông tin kịp thời, chính xác để nhà quản trị ra các quyết định đúng đắn

3.2.3 Nội dung hoàn thiện

Bên cạnh những ưu điểm mà công tác kế toán nguyên vật liệu đã làm được vẫn còn một số hạn chế chưa thực sự đem lại hiệu quả tối ưu cho công ty. Bằng những kiến thức đã được học đối chiếu giữa lý luận với thực tiễn, em xin đề xuất một số ý kiến. Theo em công ty cần có những biện pháp khắc phục những hạn chế trên để hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty

+ Kiến nghị 1: Tổ chức bộ máy kế toán

Vì khối lượng sổ sách và công việc khá nhiều, công ty chỉ có một kế toán tổng hợp kiêm trưởng phòng, công ty nên áp dụng phần mềm kế toán máy để công việc của kế toán tổng hợp cuối mỗi kỳ được giảm bớt như vậy sẽ tránh được những sai sót và hoàn thành đúng tiến độ.

+ Kiến nghị 2: Áp dụng kế toán máy tại công ty

Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ là một trong những hình thức kế toán phải theo dõi nhiều loại sổ sách, bảng biểu. Kế toán sẽ gặp khó khăn trong việc theo dõi, đồng thời phải có nhiều nhân viên kế toán để xử lý số liệu kế toán phát sinh trong kỳ. Chính vì vậy, công ty nên áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính áp dụng hình thức sổ sách theo hình thức nhật ký chung, điều đó sẽ làm cho bộ máy kế toán của công ty gọn nhẹ, việc hạch toán nghiệp vụ kinh tế phát sinh đơn giản hơn, kế toán thuận tiện trong việc theo dõi công tác kế toán của mình.

Hiện nay, công ty cổ phần Việt Xô có ứng dụng công nghệ tin học vào công tác kế toán nhưng chỉ là một phần rất nhỏ trong tài nguyên máy tính như chương trình tin học văn phòng cơ bản words và excel. Trên thực tế thì hàng ngày tại công ty các nghiệp vụ kinh tế phát sinh diễn ra rất nhiều, đòi hỏi nhân viên kế toán phải theo dõi rất nhiều chứng từ nên nếu chỉ sử dụng chương trình tin học văn phòng thì việc theo dõi công tác kế toán sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Vì vậy, công ty có thể sử dụng một phần mềm kế toán được lập trình sẵn, phù hợp với mục đích sử dụng

của công ty, giúp cho công tác kế toán nói chung và công tác kế toán nguyên vật liệu nói riêng sẽ được thực hiện dễ dàng

Hơn, theo dõi được thuận tiện, đẩy nhanh tiến độ làm việc, xử lý thông tin kịp thời, cung cấp nhanh và bộ máy kế toán bớt cồng kềnh.

Trên thị trường các công ty công nghệ thông tin đang xây dựng rất nhiều các phần mềm kế toán áp dụng theo nhiều hình thức kế toán khác nhau. Vì vậy, công ty cũng nên chọn một phần mềm kế toán phù hợp với công tác kế toán của mình như phần mềm kế toán INNOVA6.8 của công ty cổ phần SIS Việt Nam, ACMAN của công ty cổ phần phát triển phần mềm ACMAN... sao cho phần mềm kế toán tiện ích, dễ sử dụng, mang lại hiệu quả kinh tế cao, giúp cho kế toán viên thu thập và lưu trữ được sổ sách chứng từ tốt hơn, đặc biệt giúp cho các nhà quản trị tiện trong việc theo dõi các thông tin kinh tế một cách kịp thời, chính xác.

+ Kiến nghị 3: Hoàn thiện về luân chuyển chứng từ

Thao tác trong quá trình luân chuyển chứng từ tại công ty từ kho đến phòng Tài chính – Kế toán để xử lý chứng từ chậm chễ gây rất khó khăn ảnh hưởng không tốt cho công tác kế toán và khiến nhân viên kế toán phải vất vả trong công việc. Vì vậy, công ty cần có những biện pháp quy định về ngày luân chuyển chứng từ nhất định trong tháng để việc tập hợp chứng từ được thực hiện một cách đầy đủ, kịp thời. Chẳng hạn có thể quy định đến ngày nhất định các phòng ban, kho phải tập hợp và gửi toàn bộ chứng từ phát sinh trong tháng về phòng Tài chính – Kế toán xử lý chứng từ đó nhanh nhất.

Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ khi luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban. Mỗi khi giao nhận chứng từ thì các bên giao và nhận chứng từ phải ký nhận vào sổ giao nhận chứng từ. Nếu xảy ra tình trạng mất chứng từ cũng dễ quy trách nhiệm cho đúng người, đúng bộ phận để có biện pháp xử lý. Việc làm này giúp quản lý chặt chẽ các chứng từ của công ty, hơn nữa cũng nâng cao tinh thần trách nhiệm cho cán bộ công nhân viên đối với việc quản lý chứng từ nói riêng và công việc nói chung.

Ví dụ: Tình hình nguyên vật liệu trong tháng 10 tại kho 5 của công ty như sau:

Khi nhập xuất kho nguyên vật liệu, thủ kho tiến hành viết phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, đồng thời chuyển cho phòng kế toán. Khi giao các chứng từ này cho kế toán nguyên vật liệu, kế toán viên phải kí vào sổ giao nhận chứng từ của công ty theo biểu số 3.3

Biểu số 3.3

SỔ GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

Ngày 20 tháng 10 năm 2010

Chứng từ		Nội dung	Nơi nhận CT	Người nhận	Ký tên
Ngày	Số				
...
1/10	PX78	Xuất dưa chuột bao tử	TC - KT	Ngô Thị Hoa	
2/10	PN 41	Nhập lại kho ngô bao tử	TC - KT	Ngô Thị Hoa	
2/10	PX 142	Xuất dưa trung tử	TC - KT	Ngô Thị Hoa	
...
7/10	PN 212	Nhập kho nước Javen	TC - KT	Ngô Thị Hoa	
7/10	PX 254	Xuất kho ngô bao tử	TC - KT	Ngô Thị Hoa	
...
15/10	PN 464	Nhập kkho xút vảy	TC - KT	Ngô Thị Hoa	
...
21/10	PX 1194	Xuất kho dưa chuột	TC - KT	Ngô Thị Hoa	
...

+ Kiến nghị 4: Kế toán chi tiết nguyên vật liệu

Công ty nên mở đúng mẫu sổ chi tiết nguyên vật liệu của từng loại nguyên vật liệu . Đồng thời việc ghi chép tổng hợp số liệu cho từng loại nguyên vật liệu lên sổ đối chiếu luân chuyển sẽ được thuận tiện và nhanh hơn.

SỔ CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU

Năm 2010

Tài khoản : 152

Tên, quy cách nguyên vật liệu: nước Javen

Đơn vị tính: Kg

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	ĐG	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
SH	NT				SL	TT	SL	TT	SL	TT	
A	B	C	D	1	2	3=2*1	4	5=4*1	6	7=6*1	8
		Tồn đầu tháng 10							1379	1.861.650	
PN144	1/10	Nhập kho	111	1350	4920	6.642.000			6299	8.503.650	
PN158	23/10	Nhập kho	331	1350	3000	4.050.000			9299	12.553.650	
PX158	23/10	Xuất kho	621	1350			2000	2.700.000	7299	9.853.650	
		
		Cộng phát sinh			38520	52.002.000	27500	37.125.000			
		Tồn cuối tháng							12399	16.738.650	

SỔ ĐỐI CHIẾU LUÂN CHUYỂN – KHO THỰC PHẨM

Tháng 10 năm 2010

MH	Tên hàng	ĐVT	Đơn giá	Tồn đầu kỳ			Nhập trong kỳ		
				SL	ĐG	TT	SL	ĐG	TT
121012	javen	kg	1350	1379	1350	1.861.650	38520	1350	52.002.000
126014	Xút vảy	Tấn	10.500.000	0,7	10.500.000	7.350.000	12	10.500.000	126.000.000
142567	Bột trợ lọc	Tấn	5.200.000	0,5	5.200.000	2.600.000	8,7	5.200.000	45.240.000
...
	Tổng cộng					126.879.000			1.350.000.000

+ Kiến nghị 5: Công tác quản lý và sử dụng nguyên vật liệu

Để quá trình sản xuất kinh doanh của công ty diễn ra liên tục, công tác thu mua, dự trữ không bị động cũng như tình trạng tồn kho gây nhiều ứ đọng, khó khăn về kinh tế thì công ty nên xây dựng định mức dự trữ tối đa và tối thiểu cho từng loại nguyên vật liệu nào đó.

Việc xây dựng này căn cứ trên kế hoạch định mức tiêu hao cho từng loại nguyên vật liệu cũng như tình hình khả năng của công ty.

+ Định mức tiêu hao nguyên vật liệu trực tiếp cho 1 đơn vị sản phẩm là số lượng nguyên vật liệu tiêu hao cho 1 đơn vị thành phẩm, có cho phép những hao hụt bình thường

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Định mức} & & \text{Lượng NVL} & & \text{Mức hao} & & \text{Mức NVL} \\ \text{tiêu hao NVL trực tiếp} & = & \text{cần thiết để SX} & + & \text{hụt cho} & + & \text{cho SP} \\ \text{cho 1 ĐVSP} & & \text{1 ĐVSP} & & \text{phép} & & \text{hỏng} \end{array}$$

Giá tiêu chuẩn về vật liệu thường được xác định bởi nhân viên phòng kế hoạch vật tư. Nhân viên cung ứng thường tập hợp giá nguyên vật liệu của các nhà cung cấp khác nhau, từ đó để chọn một nhà cung cấp có thể đáp ứng các yêu cầu về chất lượng nguyên vật liệu cũng như giá cả phù hợp.

Lượng tiêu chuẩn về nguyên vật liệu trực tiếp thường được xác định bởi các kỹ sư và giám đốc sản xuất, căn cứ trên tình hình sử dụng thực tế.

Định mức dự trữ sẽ đảm bảo cho nguyên vật liệu vừa đủ, đáp ứng kịp thời nhu cầu sử dụng cũng như nắm bắt kịp thời các cơ hội trong kinh doanh. Ngoài ra vấn đề nguyên vật liệu sẽ ít bị ứ đọng, số vốn có thể quay vòng cho các loại nguyên vật liệu khác hoặc cho các hoạt động tài chính, đồng thời sử dụng tiết kiệm vốn.

KẾT LUẬN

Kế toán nguyên vật liệu có vai trò quan trọng trong các doanh nghiệp không mấy dễ dàng, nó phải có sự phối hợp giữa nhiều bộ phận như phòng kế toán, các kế toán đội, xí nghiệp và các phân xưởng sản xuất... Tầm quan trọng của kế toán thể hiện ở chỗ nó là một bộ phận không thể thiếu trong toàn bộ công tác kế toán, cung cấp kịp thời các thông tin cần thiết cho việc lập kế hoạch thu mua nguyên vật liệu.

Việc hoàn thiện công tác kế toán là cần thiết cho mỗi doanh nghiệp. Nó sẽ tạo cho doanh nghiệp sản xuất kinh doanh một cách có hiệu quả, đồng thời nó có thể giúp cho doanh nghiệp quản lý tốt hơn hoạt động chủ yếu của mình đảm bảo làm ăn có lãi, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà Nước, với người lao động và nâng cao đời sống công nhân viên.

Trong thời gian thực tập ở công ty cổ phần Việt Xô, em đã học hỏi được rất nhiều kinh nghiệm của việc hạch toán kế toán từ các anh chị, từ những thể lệ đi trước em thấy mình cần phải học hỏi nhiều hơn nữa để tích lũy những kiến thức cần thiết cho công việc sau này của mình.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn nhiệt tình của cô giáo Trần Thị Thanh Thảo và sự quan tâm giúp đỡ tận tình của các anh chị, cô chú kế toán trong công ty đã giúp em hoàn thành báo cáo này. Em rất mong các thầy cô và các bạn đóng góp ý kiến để bài báo cáo của em được hoàn chỉnh hơn và đạt kết quả tốt.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày tháng năm

Sinh viên

Lương Thị Huyền

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp (quyển 1) – Hệ thống tài khoản kế toán – NXB Tài chính
2. Chế độ kế toán doanh nghiệp (quyển 2) – Hệ thoonhs tài khoản kế toán – NXB Tài chính
3. Thông tư 53/2006/TT- BTC ngày 12 tháng 6 năm 2006 của Bộ tài chính
4. Khóa luận tốt nghiệp các khóa trước
5. Số liệu kế toán nguyên vật liệu của công ty cổ phần Việt Xô.